



CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH
CẤP TỈNH
PCI
2016

Hồ sơ 63 tỉnh, thành phố
Việt Nam

VCCI



USAID
TƯ NHÂN DÂN MỸ



**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2016**

HỒ SƠ 63 TỈNH, THÀNH PHỐ VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ trân trọng giới thiệu tới quý bạn đọc cuốn *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2016*. Báo cáo thường niên này là tập hợp “tiếng nói” của các doanh nghiệp nhằm đánh giá các nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của các tỉnh, thành phố, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Trong 12 năm qua, PCI đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích và tin cậy cho cộng đồng doanh nghiệp cũng như các nhà hoạch định chính sách. Hiệu ứng cải cách trong PCI đã lan tỏa giữa các địa phương và lên cả cấp trung ương, là nguồn cảm hứng cho nhiều chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh ở các cấp. Theo ghi nhận của nhóm nghiên cứu, năm nay, không chỉ các tỉnh “ngôi sao” mà các tỉnh nhóm dưới bảng xếp hạng cũng bắt đầu bứt phá với những ý tưởng, cách làm mới và sáng tạo. Hoạt động chia sẻ, học hỏi và áp dụng các kinh nghiệm, thực tiễn tốt về cải thiện chất lượng điều hành đã và đang diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước, khiến cho “cuộc đua” cải thiện PCI trở nên thú vị hơn bao giờ hết.

Báo cáo PCI năm nay cũng cho thấy nhiều tín hiệu khởi sắc về môi trường kinh doanh. Gần một nửa số doanh nghiệp trong nước có dự định mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm tới. Tương tự, hơn một nửa số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có ý định tăng quy mô hoạt động, mức cao nhất kể từ năm 2010. Đây là những điểm sáng đáng khích lệ trong bối cảnh thế giới năm vừa qua có nhiều biến động lớn, tiềm năng gây bất ổn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhiều cải cách mạnh mẽ trong Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014 đang bắt đầu có những tác

động tích cực, góp phần giảm bớt gánh nặng cho doanh nghiệp như chi phí gia nhập thị trường. Chúng tôi hy vọng rằng những thay đổi này sẽ tiếp tục truyền cảm hứng cho các nỗ lực cải cách môi trường kinh doanh sâu rộng hơn nữa.

Ngoài bảng xếp hạng PCI truyền thống, báo cáo năm nay phản ánh quan điểm của cộng đồng doanh nghiệp trước các vấn đề môi trường – lĩnh vực hiện đang là mối quan tâm của tất cả các bên. Chúng tôi hi vọng rằng những thông tin này sẽ có ích cho các cuộc thảo luận chính sách để xây dựng một môi trường Việt Nam xanh hơn và sạch hơn.

Cuối cùng chúng tôi tin rằng *Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016* sẽ mang lại cho quý bạn đọc nhiều thông tin thú vị và bổ ích.

Tiến sỹ Vũ Tiên Lộc



Chủ tịch
Phòng Thương mại và Công nghiệp
Việt Nam

Michael Greene



Giám đốc
Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
tại Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh 2016 là kết quả của nỗ lực hợp tác nghiên cứu giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID).

Chỉ số PCI được xây dựng, phát triển dưới sự chỉ đạo của Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch VCCI và Ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng Ban Pháp chế VCCI, Giám đốc Dự án PCI; với sự hỗ trợ và đóng góp rất quan trọng của Ông Micheal Greene, Giám đốc USAID Việt Nam. Tiến sỹ Michael Trueblood, Trưởng Ban Phát triển Kinh tế và Điều hành, USAID Việt Nam đóng góp những nhận xét và bình luận rất có giá trị cho báo cáo, đồng thời hỗ trợ quản lý dự án PCI.

Tiến sỹ Edmund Malesky, Giáo sư Kinh tế, Đại học Duke, Hoa Kỳ, chịu trách nhiệm chính phát triển, xây dựng phương pháp nghiên cứu và trình bày các kết quả phân tích.

Tiến sỹ Malesky được hỗ trợ bởi nhóm nghiên cứu PCI gồm Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Ngọc Lan, Ban Pháp chế, VCCI. Phan Ngọc Tuấn, Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Duke, Hoa Kỳ phụ trách phần Phụ lục 1 của báo cáo. Toàn bộ quá trình điều tra và nghiên cứu PCI được sự điều phối và hỗ trợ hiệu quả của bà Lê Thanh Hà và bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Ban Pháp chế VCCI.

Báo cáo PCI sẽ không thể thực hiện được nếu không có một quy trình khảo sát doanh nghiệp nghiêm ngặt và chất lượng, do 50 cộng tác viên thực hiện, dưới sự quản lý và điều phối của Nguyễn Lê Hà và Nguyễn Hồng Vương, Ban Pháp chế, VCCI.

Quá trình thực hiện điều tra và xây dựng báo cáo PCI 2016 còn có sự hỗ trợ nhiệt tình, hiệu quả của Bùi Linh Chi, Nguyễn Diệu Linh và Nguyễn Minh Đức, Ban Pháp chế, VCCI.

Trân trọng cảm ơn Hoà sĩ Phạm An Hải đã cho phép chúng tôi sử dụng hình ảnh bức tranh Mùa Xuân làm ý tưởng cho thiết kế báo cáo năm nay.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới các chuyên gia đã nhiệt tình đóng góp ý kiến xây dựng chỉ số PCI suốt thời gian qua: Bà Phạm Chi Lan, Chuyên gia kinh tế cao cấp; Tiến sỹ Lê Đăng Doanh, Chuyên gia kinh tế cao cấp; Ông Vũ Quốc Tuấn, Chuyên gia cao cấp; Ông Trần Hữu Huỳnh, Chủ tịch, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam; Ông Phan Trung Can, Giám đốc, Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Bình Thuận; Ông Đỗ Hải Hồ, Giám đốc, Sở Ngoại vụ tỉnh Hòa Bình; Tiến sỹ Võ Hùng Dũng, Giám đốc và ông Nguyễn Phương Lam, Phó Giám đốc, Chi nhánh VCCI tại Cần Thơ; Ông Nguyễn Tiến Quang và ông Nguyễn Diễn, Phó Giám đốc, Ông Nguyễn Cường, nguyên Giám đốc, Chi nhánh VCCI tại Đà Nẵng; Ông Phạm Bình An, Giám đốc, Trung tâm Hỗ trợ Hội nhập WTO, thành phố Hồ Chí Minh; Ông Nguyễn Văn Thời, Chủ tịch, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Tiến sỹ Nguyễn Văn Thắng, Đại học Kinh tế Quốc dân; Ông Nguyễn Minh Phong, Phó Vụ trưởng, Phó Ban Tuyên truyền lý luận, Báo Nhân dân; Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội, Thành phố Đà Nẵng; Ông Lê Duy Bình, Giám đốc, Công ty Economica Vietnam; Ông Phan Nhật Thành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương; Ông Đặng Quang Vinh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Các nhận định và mọi ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hay Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ, những cá nhân mà chúng tôi nêu trên hoặc các cơ quan của các tác giả.

TÓM TẮT

CHƯƠNG 1:

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP DÂN DOANH VÀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH PCI 2016

Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm thứ 12: Chỉ số PCI được xây dựng nhằm đánh giá môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố của Việt Nam, qua đó thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân trong nước. Được thực hiện năm thứ 12 liên tiếp, báo cáo PCI đại diện cho tập hợp tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp dân doanh về chất lượng điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố Việt Nam.

Chỉ số PCI đo lường gì? Chỉ số PCI gồm 10 chỉ số thành phần, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Một địa phương được coi là có chất lượng điều hành tốt khi có: 1) Chi phí gia nhập thị trường thấp; 2) Tiếp cận đất đai dễ dàng và sử dụng đất ổn định; 3) Môi trường kinh doanh minh bạch và thông tin kinh doanh công khai; 4) Chi phí không chính thức thấp; 5) Thời gian thanh tra, kiểm tra và thực hiện các quy định, thủ tục hành chính nhanh chóng; 6) Môi trường cạnh tranh bình đẳng; 7) Chính quyền tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề cho doanh nghiệp; 8) Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, chất lượng cao; 9) Chính sách đào tạo lao động tốt; và 10) Thủ tục giải quyết tranh chấp công bằng, hiệu quả.

Phương pháp luận PCI: Chỉ số PCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra và các nguồn dữ liệu đã công

bố khác; (ii) Tính toán 10 chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10; và (iii) Gán trọng số và tính điểm số PCI tổng hợp gồm điểm trung bình của 10 chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

Chọn mẫu: Doanh nghiệp tham gia điều tra PCI được chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng nhằm đảm bảo tính đại diện của cộng đồng doanh nghiệp tại từng tỉnh, theo các tiêu chí: tuổi doanh nghiệp, loại hình kinh doanh và ngành nghề.

Quy mô mẫu: Tổng số doanh nghiệp tham gia phản hồi điều tra PCI năm 2016 là 10.037 doanh nghiệp, trong đó bao gồm 2.042 doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2015 và 2016, cho thấy sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp với PCI vẫn giữ vững và ngày càng tăng.

Triển vọng kinh doanh tiếp tục khởi sắc trong năm 2016

Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao: Kết quả điều tra PCI 2016 tiếp tục cho thấy những dấu hiệu khởi sắc về môi trường kinh doanh. Năm vừa qua, 65% doanh nghiệp hoạt động có lãi, đạt mức cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Lần đầu tiên trong vòng 12 năm qua, quy mô vốn trung bình của doanh nghiệp đã tăng đến mức cao nhất, trung bình là 18,1 tỷ đồng, hơn gấp đôi so với quy mô năm 2006 (7,5 tỷ đồng). Tỷ lệ doanh nghiệp tuyển dụng thêm lao động cũng tăng từ 12% năm 2015 lên 13% năm 2016.

Doanh nghiệp tiếp tục lạc quan về triển vọng kinh doanh: Năm 2016, gần một nửa (48%) doanh nghiệp dự kiến sẽ mở rộng quy mô kinh doanh trong vòng 2 năm tới, tương đương mức năm 2015 (49%).

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI năm 2016

Điểm trung vị PCI 2016 tương đối ổn định: Năm nay, điểm PCI tại tỉnh trung vị của cả nước đạt 58,20 điểm, gần tương đương với mức điểm 2 năm trước. Khoảng cách giữa nhóm đầu bảng và nhóm cuối đã thu hẹp đáng kể, hiện chỉ còn 17 điểm, thấp hơn mức 19 điểm năm 2015. Xu hướng hội tụ điểm số diễn ra mạnh mẽ khi các tỉnh nhóm dưới có nhiều nỗ lực cải cách ấn tượng, kết quả của quá trình tự tìm tòi và học hỏi, áp dụng các thực tiễn tốt về cải thiện môi trường kinh doanh từ nhiều tỉnh khác. Trong khi đó, các tỉnh nhóm trên của bảng xếp hạng PCI gặp nhiều thách thức hơn trước yêu cầu tiếp tục đưa ra các sáng kiến mới, cách làm mới nhằm thúc đẩy cải cách hành chính và phát triển kinh tế.

Đà Nẵng tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng: Năm nay, Đà Nẵng tiếp tục khẳng định vị trí “dẫn đầu” trong số các tỉnh, thành phố của Việt Nam trên bảng xếp hạng PCI. Năm thứ 4 liên tiếp và lần thứ 7 trong suốt 12 năm thực hiện điều tra và công bố PCI, thành phố này được các doanh nghiệp vinh danh vị trí quán quân trên bảng xếp hạng PCI.

Các tỉnh xuất sắc khác: Bảng xếp hạng PCI 2016 chứng kiến sự đổi ngôi của Quảng Ninh và Đồng Tháp. Theo đó, Quảng Ninh đã vượt qua Đồng Tháp để giữ vị trí số 2 của bảng xếp hạng, lần đầu tiên đạt thứ hạng cao nhất của tỉnh này trong 12 năm điều tra PCI. Trong khi đó, Đồng Tháp đứng ở vị trí số 3, tiếp tục duy trì lần thứ 9 liên tiếp nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về chất lượng điều hành. Bất ngờ lớn nhất trên bảng xếp hạng PCI năm nay là sự quay trở lại ấn tượng của Bình Dương trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu, sau nhiều năm nằm trong nhóm Khá. Trên bảng xếp hạng PCI 2016, các địa phương Vĩnh Long, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc và Quảng Nam lần lượt góp mặt vào nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

Điểm rất đáng ghi nhận trong PCI 2016 là sự cải thiện điểm số PCI của cả 5 thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, Hà Nội và Hải Phòng lần đầu tiên qua nhiều năm điều tra PCI đã vượt ngưỡng 60 điểm, bước vào nhóm có chất lượng điều hành Tốt, lần lượt ở vị trí 14 và 21 trên bảng xếp hạng. Năm nay, điểm số PCI của Cần Thơ đạt 61,14 điểm, xếp thứ 11/63 63 tỉnh, thành phố tại Việt Nam.

Các nét chính trong công tác điều hành kinh tế cấp tỉnh giai đoạn 2006-2016

Những lĩnh vực cải thiện cụ thể: Khảo sát PCI trong suốt giai đoạn 2006-2016 ghi nhận những cải thiện rõ rệt nhất ở lĩnh vực Gia nhập thị trường, tiếp theo là các lĩnh vực Đào tạo lao động, Tính năng động và Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- **Gia nhập thị trường:** Nếu năm 2006, một doanh nghiệp tại tỉnh trung vị trung bình mất 20 ngày để đăng ký thành lập doanh nghiệp, thì nay chỉ mất 7 ngày, mức thấp kỉ lục trong vòng 12 năm điều tra PCI. Tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để chính thức đi vào hoạt động đã giảm một nửa, từ 26% xuống còn 13%.
- **Đào tạo lao động:** Sau những sụt giảm vào năm 2008, mức độ hài lòng với chất lượng đào tạo lao động đã dần tăng trở lại. Năm 2016, 47% doanh nghiệp tại tỉnh trung vị hài lòng với chất lượng giáo dục phổ thông của địa phương (so với 35% năm 2008). Đồng thời, 33% cho biết họ hài lòng với chất lượng đào tạo dạy nghề (so với 19,8% năm 2008).
- **Tính năng động:** Ba chỉ tiêu đánh giá tính năng động của chính quyền địa phương từ năm 2006 tới nay ghi nhận những biến chuyển khả quan. Tỷ lệ doanh nghiệp tại tỉnh trung vị đồng thuận với nhận

định “Chính quyền tinh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh” đã tăng từ 47% năm 2011 lên đến 57% năm 2016. Hiện tại, 70,5% doanh nghiệp tại tỉnh trung vị cho biết “Tinh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi”, cao hơn 10% so với mức thấp kỷ lục của chỉ tiêu này vào năm 2011. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết “chính quyền tỉnh có thái độ tích cực đối với khu vực tư nhân” đã tăng thêm hơn 9 điểm phần trăm (44%) so với mức thấp kỉ lục của năm 2015.

- **Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp:** Phân tích sự thay đổi qua chuỗi thời gian cho thấy các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật và tìm kiếm đối tác đang dần được cải thiện về chất lượng lẫn số lượng. Tuy vậy, tư vấn pháp luật, xúc tiến thương mại và các dịch vụ về công nghệ vẫn cần những chính sách khuyến khích để khối doanh nghiệp tư nhân tham gia thị trường này nhiều hơn.

Các lĩnh vực cần cải thiện: Điều tra PCI 2016 cho thấy một số xu hướng đáng quan ngại ở các lĩnh vực sau:

- **Tính minh bạch:** Điểm tiếp cận các loại tài liệu về kế hoạch (như ngân sách, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư...) và điểm tiếp cận các tài liệu pháp lý của các doanh nghiệp ở tỉnh trung vị năm nay, lần lượt là 2,39 và 3,10 điểm đã thấp hơn mức khởi điểm điều tra PCI năm 2006 (lần lượt là 2,63 và 3,15 điểm). Đáng quan ngại là mối quan hệ cá nhân với công chức nhà nước tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2016, 66% doanh nghiệp tại tỉnh trung vị cho biết phải sử dụng

các mối quan hệ để tiếp cận thông tin, cao hơn 16 điểm phần trăm so với mốc thấp lịch sử năm 2008. Lưu ý rằng mức biến động của chỉ tiêu này tương đối mạnh, trời sục theo thời gian và chưa có xu hướng cải thiện ổn định, bền vững.

- **Chi phí không chính thức:** Chi phí không chính thức giai đoạn 2014-2016 chưa có dấu hiệu cải thiện so với mốc năm 2006. Năm nay, trung bình có khoảng 66% doanh nghiệp tại tỉnh trung vị cho biết thường xuyên chi trả các khoản không chính thức, cao hơn 12-15 điểm phần trăm so với giai đoạn 2008-2013. 9%-11% doanh nghiệp tham gia điều tra từ năm 2014-2016 cho biết các khoản chi cho riêng mục này chiếm tới hơn 10% tổng doanh thu của họ, cao hơn hẳn mức 6-8% giai đoạn 5 năm trước đó. Ngoài ra, doanh nghiệp cho rằng tình trạng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp vẫn phổ biến, chỉ tiêu này dù được cải thiện trong 2 năm qua (giảm từ 65% năm 2013-2014 xuống còn 58% năm 2016) nhưng vẫn cao so với kết quả điều tra các năm trước đó (2006-2012).
- **Chi phí thời gian thực hiện các thủ tục hành chính:** Chỉ số này liên tục giảm và đang ở mức thấp lịch sử kể khi PCI được khảo sát trên toàn bộ các tỉnh, thành phố Việt Nam. Liên tục trong 3 năm qua, 2014-2016, tại tỉnh trung vị, cứ 3 doanh nghiệp thì 1 doanh nghiệp (tương ứng tỉ lệ khoảng 35%) phải dành trên 10% quỹ thời gian của mình để thực hiện thủ tục hành chính, một tỉ lệ cao kỷ lục trong khảo sát PCI. Trước đây, tỉ lệ này chỉ khoảng 1/5, hoặc đôi khi 1/10 (năm 2011). Số lần thanh, kiểm tra hàng năm đối với doanh nghiệp tư nhân, tính bằng con số trung vị, tiếp tục là 1 lần, trong khi thời gian trung bình cho mỗi cuộc thanh, kiểm tra thuế năm 2016 đã tăng trở lại mức của giai đoạn 2013-2014 và 2006-2008 là 8 giờ. Nhiều giấy tờ thủ tục hơn, phải đi lại nhiều lần hơn, hiệu quả làm việc của cán bộ công chức thấp hơn, các thủ tục hành chính trên suốt chặng

đường hoạt động của doanh nghiệp dường như chưa bao giờ thôi là “gánh nặng” đối với họ.

- **Tiếp cận đất đai:** Chỉ số Tiếp cận đất đai bắt đầu giảm sau khi liên tục tăng trong suốt giai đoạn 2008-2013. Năm 2016, tình hình sử dụng đất theo đánh giá của doanh nghiệp trở nên bấp bênh hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp tham gia điều tra năm này cho rằng rủi ro bị thu hồi đất của họ ở mức cao kỉ lục (1,73 điểm). Trong trường hợp xấu nhất nếu bị thu hồi, chỉ 25% doanh nghiệp tin tưởng sẽ được đền bù thỏa đáng, giảm mạnh so với các năm trước (30-40%).
- **Cạnh tranh bình đẳng:** Kết quả điều tra PCI tại các chỉ tiêu gốc 2006-2016 vẫn tồn tại một “sân chơi” chưa bình đẳng giữa các doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố Việt Nam. Thiệt thòi nhất vẫn là nhóm doanh nghiệp dân doanh quy mô nhỏ và vừa. Tại tỉnh trung vị trong khảo sát PCI hai năm qua, hơn 38% doanh nghiệp vẫn cho biết “tình ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp”, tăng 6% (có ý nghĩa về mặt thống kê) so với năm 2013. Đồng thời, hơn 42% doanh nghiệp đồng ý “tình ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân trong nước”, tăng 14% so với năm 2013.
- **Thiết chế pháp lý:** Chỉ số này bắt đầu có xu hướng chững lại trong 3 năm gần đây. Giai đoạn 2013-2016, tỉ lệ doanh nghiệp tham gia điều tra PCI cho rằng “nếu một cán bộ làm trái quy định nhà nước, hệ thống pháp luật sẽ có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi của cán bộ đó” chưa có sự cải thiện mạnh mẽ nào. Tương tự, số doanh nghiệp bày tỏ sự tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng 4 năm qua cao hơn mức 62-69% của 8 năm trước đó, nhưng vẫn duy trì xung quanh tỉ lệ 81%.

Chỉ số cơ sở hạ tầng PCI năm 2016

Phương pháp luận: Chỉ số cơ sở hạ tầng hợp thành bởi 4 chỉ số thành phần, đánh giá chất lượng của: (1) Khu công nghiệp; (2) Đường giao thông; (3) Các dịch vụ năng lượng và điện thoại; và (4) Dịch vụ Internet.

Kết quả: 5 tỉnh, thành phố được các doanh nghiệp dân doanh đánh giá có chất lượng cơ sở hạ tầng tốt nhất gồm Bình Dương, Đà Nẵng, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai và Vĩnh Phúc.

Năm 2016, 77% doanh nghiệp tại tỉnh trung vị đánh giá chất lượng điện thoại là Tốt và Rất tốt, đây là lĩnh vực nhận được sự hài lòng cao nhất. Đúng thứ hai là dịch vụ cung cấp điện với tỷ lệ 69% doanh nghiệp hài lòng. Các dịch vụ tiếp theo lần lượt là cung cấp nước (63%) và dịch vụ internet (57%). Cuối cùng, trung bình chỉ có 42% doanh nghiệp bày tỏ sự hài lòng với chất lượng đường giao thông (đường bộ và cầu).

Mối quan hệ giữa chất lượng điều hành và hiệu quả kinh tế

Nhóm nghiên cứu tìm thấy bằng chứng thống kê rõ ràng về mối quan hệ chặt chẽ giữa các nỗ lực cải thiện chất lượng điều hành và sự phát triển của khu vực tư nhân. Cụ thể, một điểm cải thiện trong chỉ số PCI gốc sẽ giúp tăng tỉ lệ doanh nghiệp thành lập mới lên 2,7%. Cải thiện chất lượng điều hành kinh tế còn có các tác động dài hạn. Tăng một điểm trong PCI sẽ giúp tăng thêm doanh nghiệp thành lập mới lên 3% trong 10 năm tiếp theo.

Để thúc đẩy hoạt động kinh tế, các địa phương nên chú trọng tăng cường khả năng tiếp cận đất đai, cải thiện tính minh bạch và nâng cao chất lượng đào tạo lao động. Ngoài ra, cần cải thiện chỉ số cạnh tranh bình đẳng và giảm thiểu các chi phí không chính thức. Tất cả các lĩnh vực này đều có

tác động lớn trong ngắn hạn. Cụ thể, tăng một điểm trong chỉ số Tiếp cận đất đai hay Đào tạo lao động sẽ giúp tăng thêm 12% doanh nghiệp mới đăng ký.

Ngoài ra, hệ số nhân trong dài hạn lớn đối với lĩnh vực tiếp cận đất đai (0,15) và cạnh tranh bình đẳng (0,12) cho thấy các nỗ lực tăng cường khả năng tiếp cận đất cũng như đảm bảo tính ổn định trong sử dụng đất và xây dựng môi trường kinh doanh bình đẳng có tác động lớn nhất và đảm bảo lợi ích lâu dài của cộng đồng doanh nghiệp. Theo đó, một điểm cải thiện về các chỉ số thành phần này có thể giúp tăng thêm 15% số doanh nghiệp đăng ký mới trong 10 năm tới.

Tóm lại, cải thiện chất lượng điều hành kinh tế, tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, thủ tục hành chính thông thoáng sẽ đem lại những lợi ích lâu dài cho các địa phương, thậm chí còn góp phần khắc phục được những hạn chế, bất lợi về vị trí địa lý hay các điều kiện kém phát triển về hạ tầng.

CHƯƠNG 2: KẾT QUẢ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI PCI-FDI

Kết quả điều tra PCI-FDI năm 2016 cho thấy nhiều tín hiệu tốt lành. Trong hai năm qua, những thay đổi pháp luật đã tạo ra một môi trường pháp lý thân thiện hơn đối với các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài. Những cải cách này đã gạt hái được thành quả, gia tăng sự lạc quan của giới đầu tư nước ngoài và triển vọng mở rộng sản xuất kinh doanh lớn hơn. Mặc dù còn sớm để kết luận, song việc chi phí gia nhập thị trường và tham nhũng vật đã giảm bớt. Trong những lĩnh vực này, dự báo của các nhà phân tích đã đúng. Các nhà đầu tư muốn vào Việt Nam trong hai năm tới sẽ tiếp cận

với môi trường thân thiện hơn nhiều so với trước đây. Tuy nhiên Việt Nam vẫn còn nhiều việc phải làm để biến lợi thế, tiềm năng của mình thành hiện thực. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn cho rằng môi trường chính sách còn nhiều ưu đãi đối với DNNN và việc tiếp cận thông tin về tài liệu ngân sách, kế hoạch, quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn. Thêm vào đó, các quy định hậu đăng ký tại Việt Nam vẫn còn phiền hà, đặc biệt là tình trạng một số doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra quá mức.

Khảo sát các nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam năm thứ 7. Khảo sát thu thập ý kiến của 1.550 doanh nghiệp FDI đến từ 46 quốc gia khác nhau đang hoạt động tại 14 tỉnh, thành phố của Việt Nam có mật độ doanh nghiệp FDI tập trung cao nhất.

Tâm lý lạc quan của các doanh nghiệp FDI. Năm 2016, 11% doanh nghiệp FDI cho biết đã tăng đầu tư hoạt động và 63% tuyển thêm lao động mới. Số lượng việc làm theo điều tra PCI-FDI được ghi nhận tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua.

Các tín hiệu khởi sắc về triển vọng tương lai. Theo nhiệt kế doanh nghiệp, tâm lý lạc quan về kế hoạch mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm tới đã tăng lên nhanh chóng. Năm vừa qua, hơn một nửa số doanh nghiệp trong mẫu điều tra PCI-FDI cho biết có ý định tăng quy mô hoạt động, mức cao nhất kể từ năm 2010.

Đặc điểm các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam: Tương tự như kết quả điều tra PCI-FDI các năm trước, doanh nghiệp FDI hoạt động tại Việt Nam vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp quy mô nhỏ, hướng vào xuất khẩu và có mức lãi tương đối thấp. Họ thường cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các nhà sản xuất lớn hơn hoặc tập đoàn đa quốc gia, do đó họ thường nằm ở những vị trí thấp nhất trong chuỗi giá trị sản phẩm. Tương tự như nguồn

vốn FDI đăng ký, đa phần các nhà đầu tư đến từ Châu Á, đặc biệt là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan - Trung Quốc, Singapore và Trung Quốc.

Các quy định về gia nhập thị trường

Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư năm 2014 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần giảm đáng kể chi phí gia nhập thị trường cho doanh nghiệp.

- Hơn 90% doanh nghiệp FDI có được tất cả các giấy phép cần thiết để chính thức đi vào hoạt động chỉ trong vòng ba tháng, kể từ khi bắt đầu thực hiện các thủ tục. Khoảng 40% doanh nghiệp trong năm 2015 và 2016 chính thức đi vào hoạt động trong vòng chỉ một tháng.
- Đây là tỉ lệ cao nhất Việt Nam từng đạt được và tăng đáng kể so với giai đoạn 5 năm trước

Các quy định sau khi gia nhập thị trường: Vẫn cần nhiều nỗ lực hơn nữa để đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp sau giai đoạn thành lập.

- Năm 2016, 72% doanh nghiệp cho biết họ mất hơn 5% quỹ thời gian trong năm để tìm hiểu và thực hiện các quy định hành chính, đồng nghĩa với việc mất đi lượng thời gian tương ứng đáng lẽ được dùng để quản lý và phát triển doanh nghiệp. Tỉ lệ này cao đáng kể so với mức thấp lịch sử đạt được trong năm 2010 (56%).
- Dù số cuộc thanh, kiểm tra mỗi năm tương đối thấp so với tiêu chuẩn quốc tế, song vẫn còn gần 5% doanh nghiệp FDI bị thanh tra, kiểm tra trên 8 lần.

- Theo các doanh nghiệp FDI, đứng đầu danh mục phiền hà là các thủ tục về thuế, phí, bảo hiểm xã hội và thủ tục thông quan.
 - Dù vậy, tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn tất cả các thủ tục này đã giảm so với năm 2015. Kết quả này phần nào nhờ các nỗ lực thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP/2015 nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Điều này đặc biệt đúng đối với lĩnh vực hải quan, một trong những trọng tâm của Nghị quyết này.

Ưu đãi đối với Doanh nghiệp nhà nước: Dù đã giảm đáng kể so với năm 2014, nhưng vẫn có tới 68% doanh nghiệp FDI tin rằng các DNNN có nhiều đặc quyền và đặc lợi hơn.

Tiếp cận thông tin: Khả năng tiếp cận các thông tin quan trọng cho hoạt động kinh doanh, đặc biệt là các tài liệu về quy hoạch và dự toán ngân sách, có xu hướng suy giảm theo thời gian. Các doanh nghiệp FDI gặp nhiều khó khăn hơn khi tiếp cận thông tin, tài liệu, phải phụ thuộc nhiều hơn vào các mối quan hệ cá nhân cũng như gặp tình trạng chất lượng thông tin kém ngay cả khi đã lấy được thông tin.

Trải nghiệm về tham nhũng: Theo cảm nhận của các doanh nghiệp FDI năm nay, một số loại tham nhũng vật có xu hướng giảm.

- Khoảng 25% các doanh nghiệp FDI thừa nhận rằng họ đã trả tiền bôi trơn để có được giấy phép đầu tư và 13,6% trả hoa hồng khi cạnh tranh để có được các hợp đồng của cơ quan nhà nước. Cả hai tỉ lệ này đều giảm so với năm 2015.
- 49% doanh nghiệp đã chi trả chi phí không chính thức khi làm thủ tục thông quan, giảm 10 điểm phần trăm so với năm 2015.

- 56% doanh nghiệp đồng ý với nhận định rằng các cán bộ nhà nước sử dụng việc giám sát tuân thủ pháp luật ở địa phương để đòi hỏi chi phí không chính thức từ các doanh nghiệp, giảm 10 điểm phần trăm so với năm 2015.
- 19% doanh nghiệp lựa chọn không sử dụng tòa án khi có tranh chấp vì họ quan ngại về tình trạng “chạy án” trong quá trình giải quyết. Một lần nữa, chỉ tiêu này cũng giảm đáng kể trong 2 năm trở lại đây.

Tuy nhiên, kết quả điều tra cũng cho thấy tình trạng tham nhũng vẫn còn tương đối phổ biến ở một số lĩnh vực.

- 88% doanh nghiệp cho biết họ ít nhiều đều gặp bất lợi khi tham gia đấu thầu các hợp đồng với cơ quan nhà nước, cho thấy “văn hóa chi trả hoa hồng” có thể cản trở việc lựa chọn được nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất, dẫn đến chi phí cao hơn và chất lượng kém hơn.
- 45% doanh nghiệp đã đưa quà và các chi phí không chính thức trong đợt thanh, kiểm tra trong năm 2016. Trong trường hợp đưa quà hay hối lộ, chỉ 8% doanh nghiệp cho biết bị cán bộ thanh, kiểm tra đòi hỏi. Tỷ lệ này nhỏ hơn 5 lần so với tỷ lệ doanh nghiệp chủ động đưa biếu (44%). Cho tới nay, nội dung có tỷ lệ trả lời cao nhất là các doanh nghiệp tin rằng hành vi này là phổ biến, “luật bất thành văn”, và chủ động đưa quà cáp dù không bị đòi hỏi (59%).
- Mục đích lớn nhất khi đưa hối lộ, với tỷ lệ gần 80% doanh nghiệp trả lời, là nhằm tạo lập mối quan hệ. Doanh nghiệp chọn phương án này coi khoản chi này như một hợp đồng bảo hiểm, theo đó, một món quà nhỏ hôm nay có thể giúp họ giải quyết những vụ việc nảy sinh trong tương lai.

- Sự phổ biến của hoạt động này chỉ ra mức độ nghiêm trọng của tham nhũng ở Việt Nam, minh họa mức độ khó khăn của cuộc chiến chống tham nhũng. Hối lộ đã trở nên quá phổ biến tới mức thậm chí hai bên cũng không cần phải trao đổi với nhau.

CHƯƠNG 3: CẢM NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP VỀ CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh nhiều sự cố môi trường gây thiệt hại lớn xảy ra trên cả nước, nhóm nghiên cứu tìm hiểu những đánh giá của các doanh nghiệp về ảnh hưởng của ô nhiễm đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ.

Kết quả điều tra cho thấy, phần đông các doanh nghiệp (50% doanh nghiệp FDI và 45% doanh nghiệp trong nước) đều tin rằng bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng và sẵn sàng trả một mức chi phí hợp lý cho các hoạt động cụ thể cũng như áp dụng thêm các quy định pháp luật để tránh ô nhiễm, đặc biệt là các doanh nghiệp nông nghiệp, thủy sản, tài chính và dịch vụ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế tạo cũng chịu nhiều thiệt hại do ô nhiễm môi trường.

Kết quả điều tra PCI cũng thấy rằng một số lượng lớn các doanh nghiệp đã nỗ lực phòng chống ô nhiễm môi trường ngay chính tại doanh nghiệp của mình, thông qua việc áp dụng các quy chế nội bộ và các chương trình đào tạo, tập huấn cho người lao động về bảo vệ môi trường. 75% doanh nghiệp FDI và 73% doanh nghiệp dân doanh hiện đang áp dụng các “chính sách xanh” (giảm thiểu ô nhiễm bằng cách sử dụng nguyên liệu và năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả nhất) tại chính doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết họ tuân thủ các quy định môi trường ở mức

cao, đồng thời cũng sẵn lòng nỗ lực bảo vệ môi trường dù biết rằng việc này sẽ làm tăng chi phí của doanh nghiệp.

Sau sự cố môi trường Formosa, các doanh nghiệp dường như đồng tình cao hơn và chấp nhận nghĩa vụ thực thi các quy định về môi trường mà chính quyền địa phương tiến hành, dù điều đó có thể sẽ gia tăng gánh nặng chi phí và trách nhiệm cho doanh nghiệp (tỉ lệ 95% đối với doanh nghiệp FDI và 91% đối với doanh nghiệp trong nước). Đồng thời, các doanh nghiệp cho rằng chính các doanh nghiệp phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường dù việc này làm tăng chi phí của doanh nghiệp (97% doanh nghiệp FDI và 96% doanh nghiệp trong nước đồng ý).

Cuối cùng, một thông điệp rõ ràng là, đặt ra vấn đề phải lựa chọn hoặc tăng trưởng kinh tế hoặc môi trường trong lành là một quan điểm sai lầm. Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam hưởng lợi từ một Việt Nam “xanh” và họ ủng hộ các nỗ lực để giữ cho môi trường trong lành tại đất nước này.

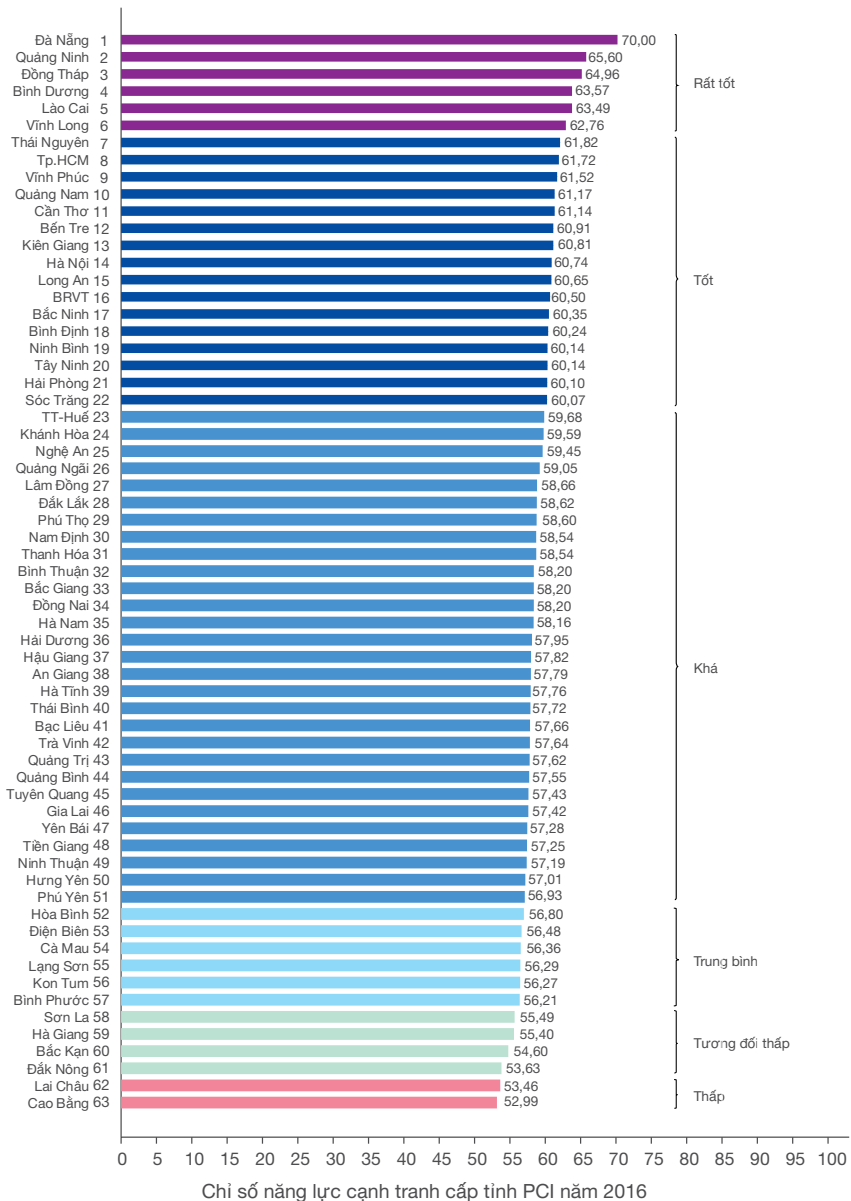


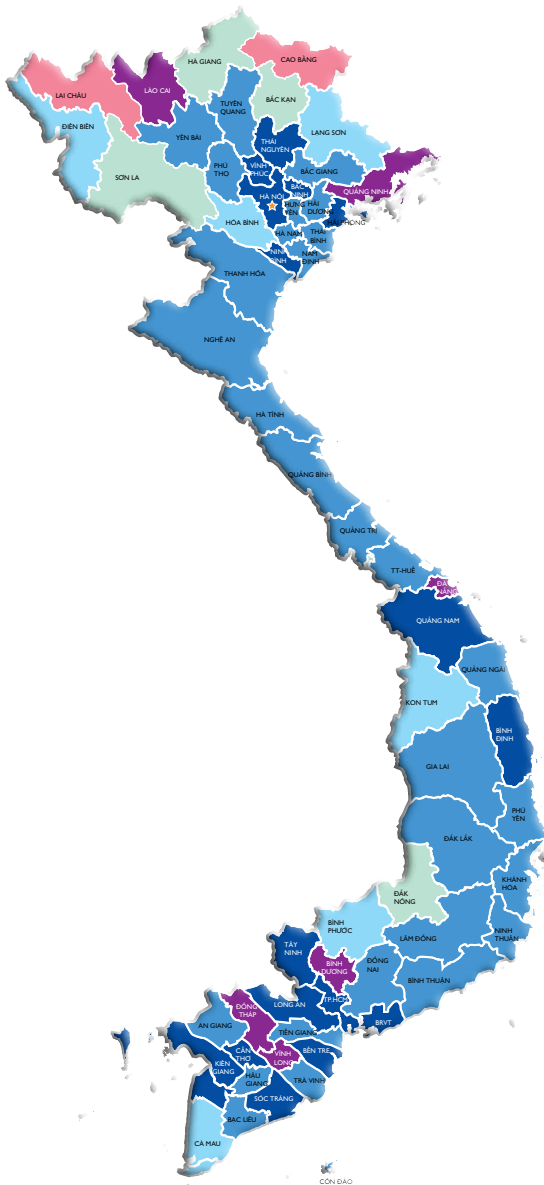


PCI 2016

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2016**

**BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI
63 TỈNH, THÀNH PHỐ VIỆT NAM**





- Rất tốt
- Tốt
- Khá
- Trung bình
- Tương đối thấp
- Thấp



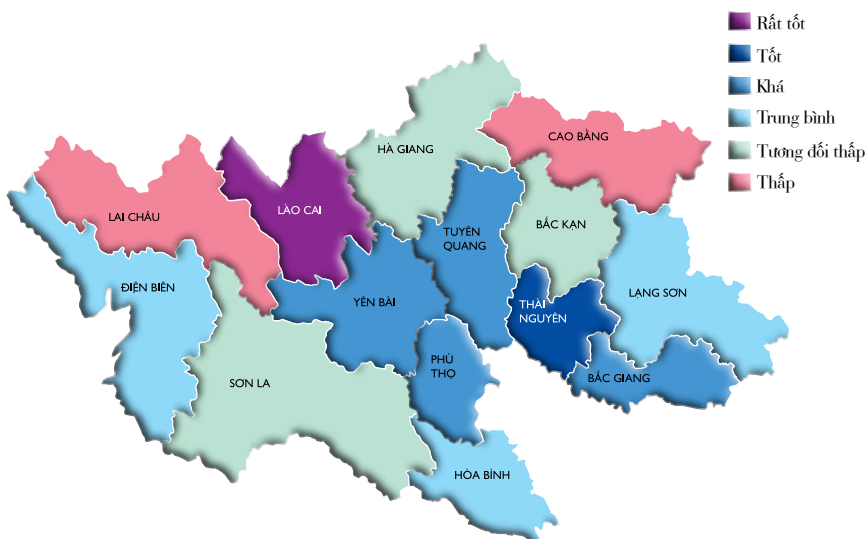


PCI 2016

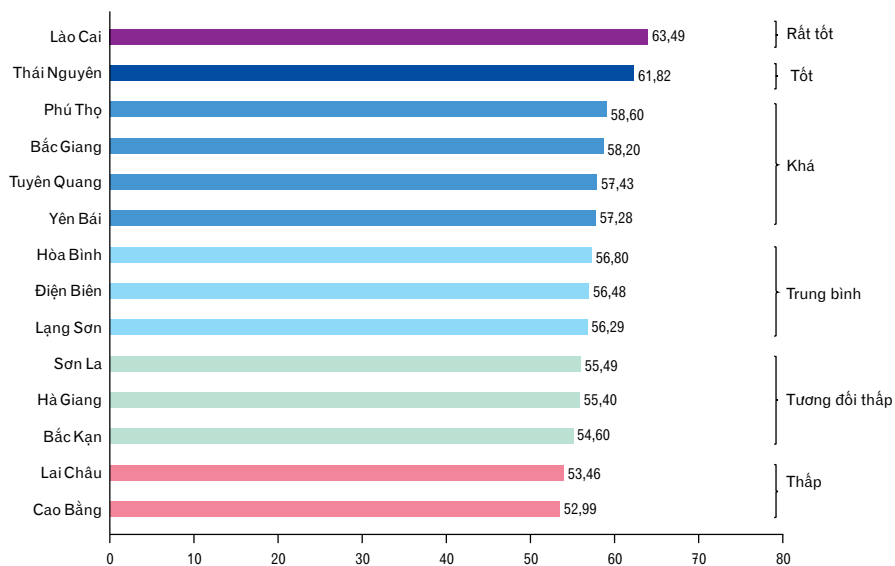
**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2016**

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG
CÁC VÙNG CỦA VIỆT NAM**

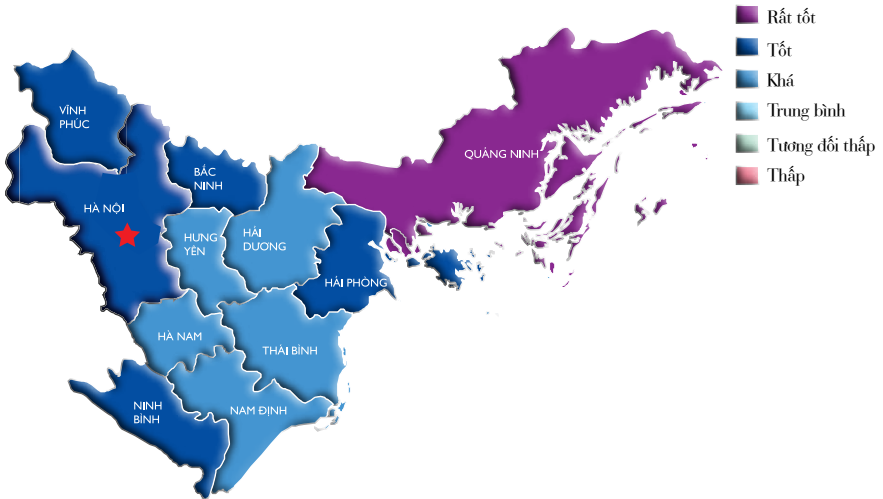
BẢN ĐỒ PCI 2016 - KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



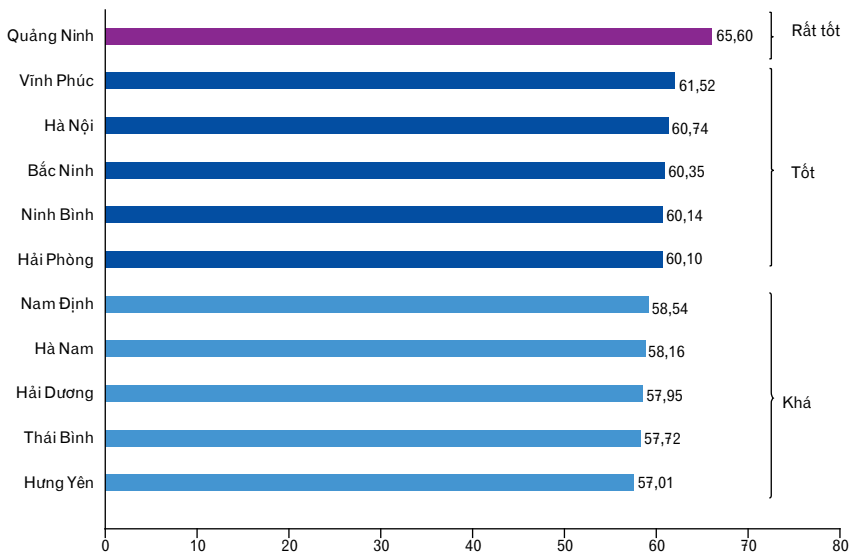
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC



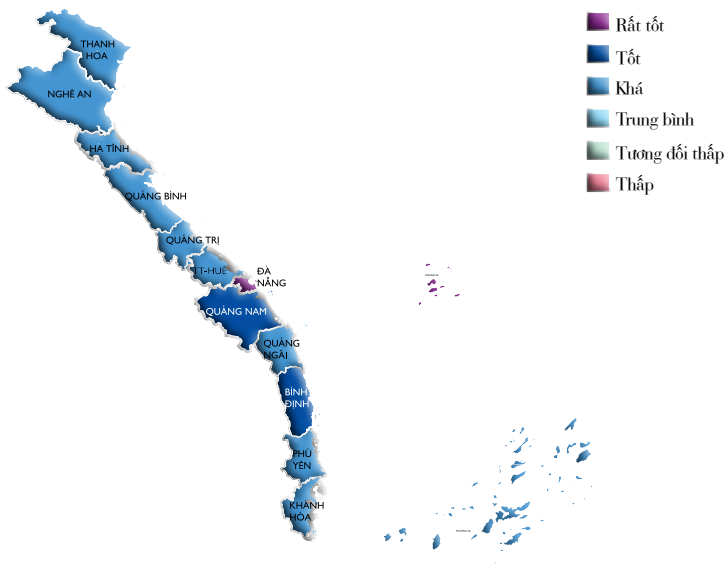
BẢN ĐỒ PCI 2016 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



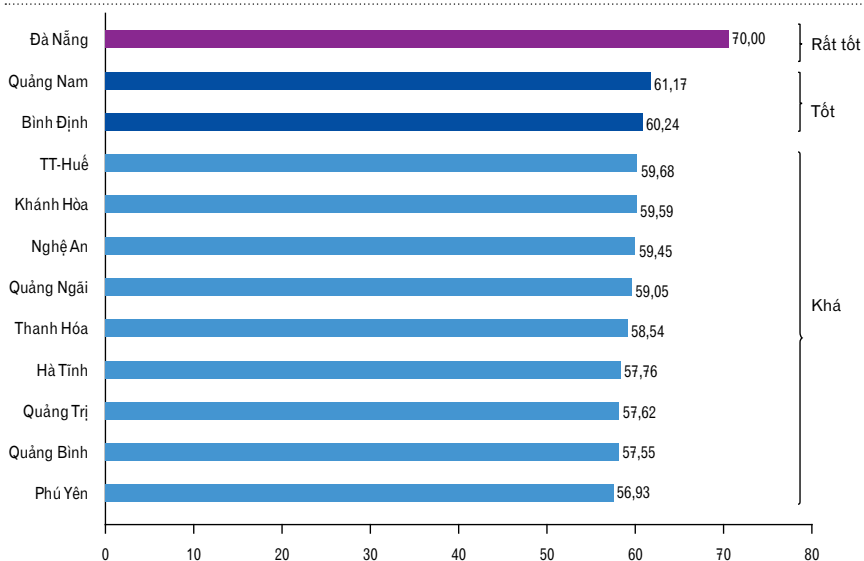
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG



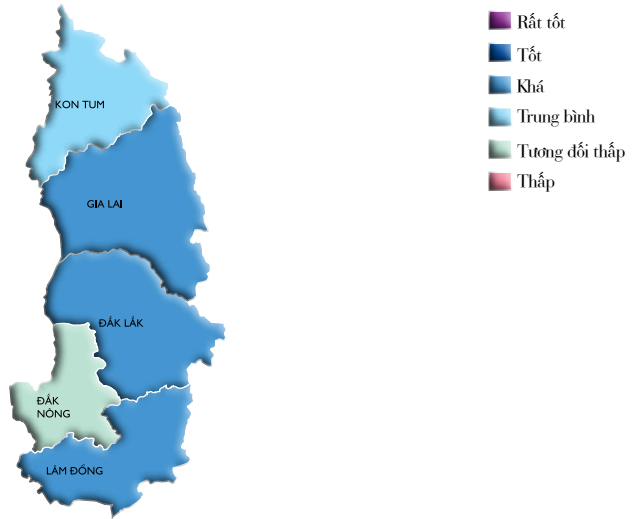
BẢN ĐỒ PCI 2016 - VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



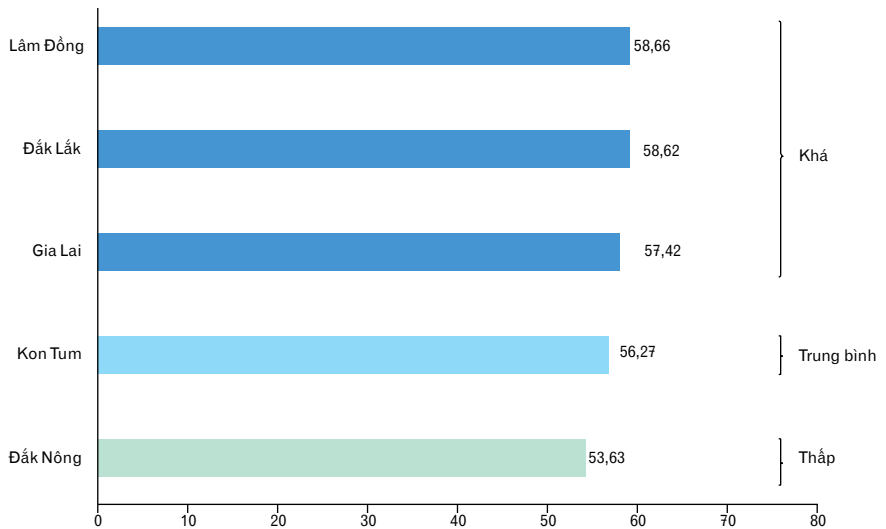
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG



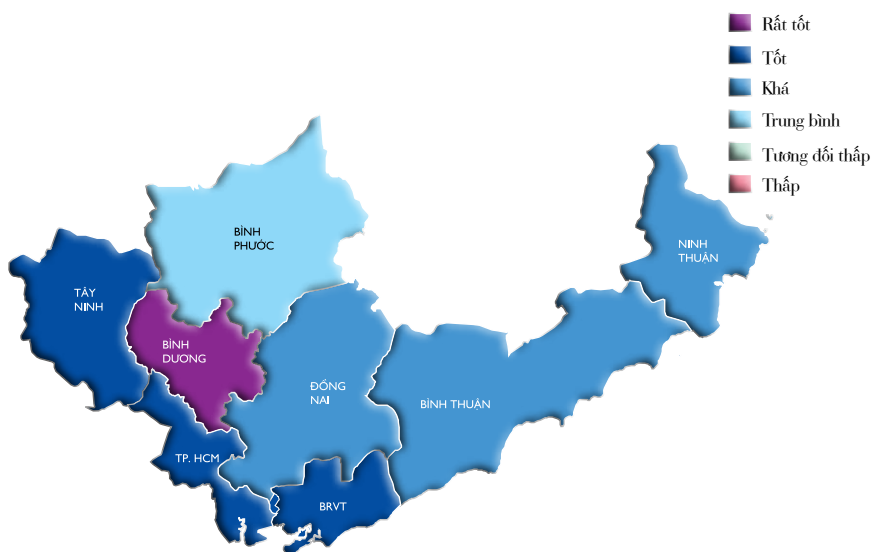
BẢN ĐỒ PCI 2016 - KHU VỰC TÂY NGUYÊN



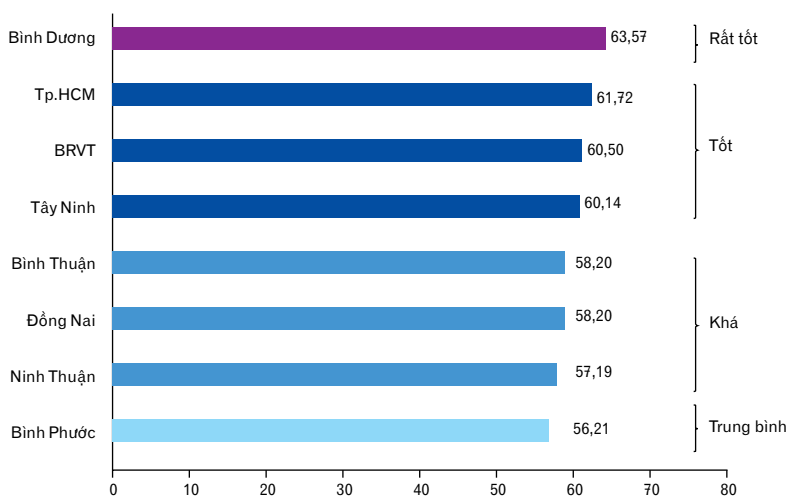
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - KHU VỰC TÂY NGUYÊN



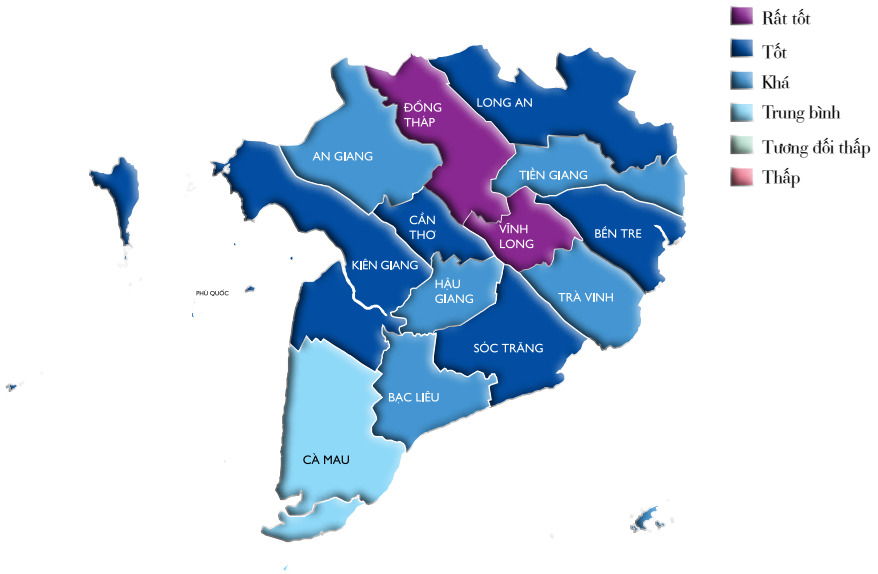
BẢN ĐỒ PCI 2016 - VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



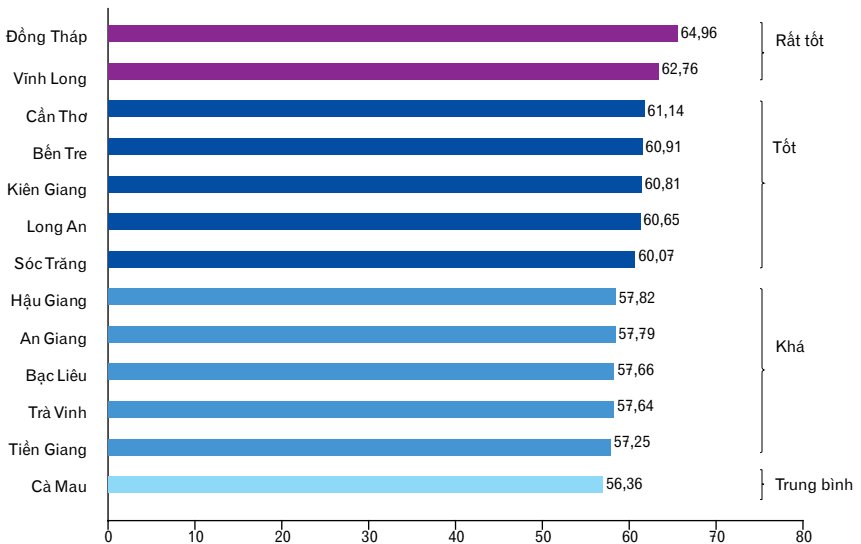
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - VÙNG ĐÔNG NAM BỘ



BẢN ĐỒ PCI 2016 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ PCI NĂM 2016 - VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



PCI 2016

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP TỈNH CỦA VIỆT NAM NĂM 2016**

**HỒ SƠ 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
VIỆT NAM**



1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,79	38	Khá/Mid-High
2015	57,61	39	Khá/Mid-High
2014	58,10	37	Khá/Mid-High
2013	59,07	23	Khá/Mid-High
2012	63,42	2	Tốt/High
2011	62,22	19	Tốt/High
2010	61,94	14	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,65	8,90	8,68	8,58
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,41	6,91	5,94	6,02
Tính minh bạch/Transparency	5,73	5,92	6,50	6,20
Chi phí thời gian/Time Costs	7,81	7,54	7,00	6,97
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,76	6,16	4,66	5,40
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,14	5,01	4,41	4,50
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	7,59	5,12	4,47	5,40
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,04	5,40	5,67	5,49
Đào tạo lao động/Labor Training	4,90	4,75	5,14	5,23
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,33	6,13	6,18	5,63

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	54,60	60	Tương đối thấp/Low
2015	53,20	60	Thấp/Very Low
2014	53,02	59	Thấp/Very Low
2013	53,53	57	Tương đối thấp/Low
2012	51,00	60	Trung bình/Average
2011	52,71	60	Trung bình/Average
2010	51,49	58	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,95	8,10	8,18	8,11
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,39	5,47	5,14	5,82
Tính minh bạch/Transparency	5,62	6,19	6,17	6,36
Chi phí thời gian/Time Costs	6,20	6,14	6,18	6,06
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,27	3,76	4,93	4,60
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,49	6,52	5,26	5,72
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,11	4,38	4,24	4,29
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	3,89	3,90	4,40	4,66
Đào tạo lao động/Labor Training	4,90	5,36	4,80	5,07
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	3,72	6,12	6,04	5,61

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,20	33	Khá/Mid-High
2015	57,61	40	Khá/Mid-High
2014	57,33	41	Khá/Mid-High
2013	54,79	49	Tương đối thấp/Low
2012	57,08	31	Khá/Mid-High
2011	60,79	23	Tốt/High
2010	58,02	32	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,21	8,72	8,00	8,51
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,10	6,03	6,05	5,63
Tính minh bạch/Transparency	5,89	5,87	5,83	6,04
Chi phí thời gian/Time Costs	5,60	6,19	6,98	7,11
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,90	4,51	5,76	5,16
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	3,53	4,06	4,70	4,35
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,96	4,74	4,71	4,67
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,57	5,72	5,69	5,28
Đào tạo lao động/Labor Training	5,11	5,92	5,65	6,44
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,10	5,91	4,64	4,76

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,66	41	Khá/Mid-High
2015	58,44	33	Khá/Mid-High
2014	59,50	22	Khá/Mid-High
2013	59,89	14	Khá/Mid-High
2012	62,85	7	Tốt/High
2011	57,92	39	Khá/Mid-High
2010	58,20	30	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,03	8,36	7,98	8,29
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,89	7,05	7,14	6,34
Tính minh bạch/Transparency	5,32	6,12	5,77	5,56
Chi phí thời gian/Time Costs	7,73	7,29	7,50	7,06
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,65	5,27	6,17	6,41
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,30	6,98	7,29	6,64
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,75	5,20	5,97	5,43
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,30	5,92	4,97	5,08
Đào tạo lao động/Labor Training	4,95	4,51	4,66	4,84
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,51	7,36	7,09	6,84

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,35	17	Tốt/High
2015	59,91	13	Khá/Mid-High
2014	60,92	10	Tốt/High
2013	61,07	12	Tốt/High
2012	62,26	10	Tốt/High
2011	67,27	2	Rất tốt/Excellent
2010	64,48	6	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,73	8,13	8,10	8,29
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,70	5,38	5,85	6,04
Tính minh bạch/Transparency	6,22	6,35	7,11	5,87
Chi phí thời gian/Time Costs	6,14	7,13	6,37	6,50
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,37	5,40	4,22	5,10
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,57	4,62	3,50	4,77
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,47	5,26	5,07	5,32
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,69	5,74	5,35	5,64
Đào tạo lao động/Labor Training	6,04	6,73	6,82	7,17
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,97	5,23	5,38	4,85

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,91	12	Tốt/High
2015	60,10	12	Tốt/High
2014	59,70	18	Khá/Mid-High
2013	62,78	6	Rất tốt/Excellent
2012	58,35	26	Khá/Mid-High
2011	59,90	30	Khá/Mid-High
2010	63,11	10	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,70	8,84	8,59	8,63
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,81	7,20	7,82	6,35
Tính minh bạch/Transparency	5,35	5,48	5,66	5,63
Chi phí thời gian/Time Costs	8,03	7,71	7,80	7,40
Chi phí không chính thức/Informal Charges	8,31	6,74	6,45	6,49
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,27	5,67	5,16	5,02
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,24	5,85	4,88	4,94
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,79	5,34	5,51	5,82
Đào tạo lao động/Labor Training	5,40	5,35	5,51	5,89
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,77	5,98	6,33	7,16

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,24	18	Tốt/High
2015	59,23	20	Khá/Mid-High
2014	59,72	17	Khá/Mid-High
2013	59,37	18	Khá/Mid-High
2012	63,06	4	Tốt/High
2011	58,14	38	Khá/Mid-High
2010	60,37	20	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,57	8,79	9,00	8,65
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,51	6,18	6,05	6,03
Tính minh bạch/Transparency	6,23	6,53	6,17	6,61
Chi phí thời gian/Time Costs	6,70	6,82	7,47	6,56
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,83	4,68	5,34	5,44
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,25	5,16	4,85	4,82
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,21	4,20	4,87	5,45
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,94	5,79	5,23	5,16
Đào tạo lao động/Labor Training	5,46	6,00	6,10	6,19
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,31	5,66	5,56	6,23

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	63,57	4	Rất tốt/Excellent
2015	58,89	25	Khá/Mid-High
2014	58,82	27	Khá/Mid-High
2013	58,15	30	Khá/Mid-High
2012	59,64	19	Khá/Mid-High
2011	63,99	10	Tốt/High
2010	65,72	5	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,20	7,83	8,08	8,25
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,25	6,28	6,55	6,52
Tính minh bạch/Transparency	5,95	6,27	6,66	6,99
Chi phí thời gian/Time Costs	6,49	6,59	6,85	7,19
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,54	4,77	4,84	6,18
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,43	4,36	4,47	5,08
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,23	4,32	5,58	5,67
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,86	5,57	5,20	5,57
Đào tạo lao động/Labor Training	5,72	6,48	5,76	6,51
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,49	5,47	6,10	5,80

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,21	57	Trung bình/Mid-Low
2015	56,41	54	Trung bình/Mid-Low
2014	57,79	38	Khá/Mid-High
2013	57,47	35	Khá/Mid-High
2012	55,82	39	Khá/Mid-High
2011	65,87	8	Tốt/High
2010	57,24	36	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,89	8,14	8,72	8,52
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,67	5,85	5,81	5,98
Tính minh bạch/Transparency	6,65	7,08	7,00	6,22
Chi phí thời gian/Time Costs	6,12	7,14	6,95	7,00
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,84	5,23	4,85	5,24
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,72	5,18	5,41	4,89
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,02	5,07	4,62	4,21
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,93	5,10	4,76	4,96
Đào tạo lao động/Labor Training	4,77	4,96	4,93	5,66
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,42	5,18	4,83	3,97

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,20	32	Khá/Mid-High
2015	58,83	26	Khá/Mid-High
2014	59,16	23	Khá/Mid-High
2013	59,09	22	Khá/Mid-High
2012	54,08	47	Khá/Mid-High
2011	57,62	40	Khá/Mid-High
2010	58,45	28	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,63	8,46	8,21	8,84
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,79	6,13	6,14	5,82
Tính minh bạch/Transparency	5,66	6,29	6,20	5,75
Chi phí thời gian/Time Costs	7,21	6,80	6,58	6,36
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,67	5,93	6,15	5,42
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,10	6,15	5,81	6,05
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,51	4,69	4,46	4,23
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,92	5,48	5,68	5,72
Đào tạo lao động/Labor Training	4,90	5,30	5,47	5,85
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,68	5,93	4,75	4,97

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,50	16	Tốt/High
2015	59,51	18	Khá/Mid-High
2014	59,05	24	Khá/Mid-High
2013	56,99	39	Khá/Mid-High
2012	59,14	21	Khá/Mid-High
2011	66,13	6	Rất tốt/Excellent
2010	60,55	19	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,25	7,88	8,09	7,94
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,31	5,54	5,83	5,94
Tính minh bạch/Transparency	5,70	5,09	6,28	6,23
Chi phí thời gian/Time Costs	5,96	5,92	6,41	5,82
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,14	5,53	5,12	5,56
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,09	5,96	5,34	4,48
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,40	4,29	4,38	4,16
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,04	6,04	5,56	6,00
Đào tạo lao động/Labor Training	5,87	6,90	6,49	6,88
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,24	5,36	5,38	5,09

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,36	54	Trung bình/Mid-Low
2015	54,40	59	Tương đối thấp/Low
2014	53,22	58	Thấp/Very Low
2013	53,80	56	Tương đối thấp/Low
2012	53,76	49	Khá/Mid-High
2011	59,43	32	Khá/Mid-High
2010	53,57	51	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,43	8,64	7,90	8,46
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,08	5,93	5,90	6,14
Tính minh bạch/Transparency	4,56	5,08	5,39	5,86
Chi phí thời gian/Time Costs	7,31	7,43	7,58	7,03
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,40	5,72	5,13	5,88
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,21	5,89	4,98	6,06
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,60	3,62	4,72	4,80
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,85	5,35	5,69	5,35
Đào tạo lao động/Labor Training	4,48	4,10	4,45	4,46
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,63	5,40	5,35	5,75

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	61,14	11	Tốt/High
2015	59,81	14	Khá/Mid-High
2014	59,94	15	Khá/Mid-High
2013	61,46	9	Tốt/High
2012	60,32	14	Tốt/High
2011	62,66	16	Tốt/High
2010	62,46	13	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,38	8,48	8,18	8,65
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,58	5,66	6,01	6,22
Tính minh bạch/Transparency	5,25	5,96	5,98	6,02
Chi phí thời gian/Time Costs	6,34	6,72	7,13	7,25
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,84	5,61	6,09	6,06
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,64	4,17	3,90	4,47
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,46	4,03	4,32	4,68
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,23	6,11	5,89	5,76
Đào tạo lao động/Labor Training	5,49	6,22	5,94	6,30
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,00	6,38	6,62	6,56

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	52,99	63	Thấp/Very Low
2015	54,44	58	Tương đối thấp/Low
2014	52,04	61	Thấp/Very Low
2013	52,30	61	Thấp/Very Low
2012	50,55	61	Tương đối thấp/Mid-Low
2011	50,98	63	Tương đối thấp/Mid-Low
2010	53,55	52	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,09	7,75	8,47	8,27
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,65	4,39	5,18	4,78
Tính minh bạch/Transparency	5,56	5,79	5,66	5,52
Chi phí thời gian/Time Costs	5,72	6,20	5,86	5,03
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,06	3,24	4,23	3,34
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,22	5,05	4,82	3,77
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,47	3,86	3,92	3,41
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,52	4,97	5,30	5,36
Đào tạo lao động/Labor Training	5,38	5,54	5,87	6,22
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,50	5,12	4,83	5,62

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	70,00	1	Rất tốt/Excellent
2015	68,34	1	Rất tốt/Excellent
2014	66,87	1	Rất tốt/Excellent
2013	66,45	1	Rất tốt/Excellent
2012	61,71	12	Tốt/High
2011	66,98	5	Tốt/High
2010	69,77	1	Rất tốt/Excellent

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,40	9,03	9,19	9,22
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,98	6,42	6,35	6,29
Tính minh bạch/Transparency	6,49	6,59	7,33	7,22
Chi phí thời gian/Time Costs	7,86	7,47	7,50	7,74
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,50	6,35	6,11	6,51
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,82	4,81	4,77	5,45
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	7,72	5,91	6,17	7,06
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,36	6,16	6,06	5,99
Đào tạo lao động/Labor Training	6,53	7,53	7,62	7,98
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,60	6,30	6,46	6,47

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,62	28	Khá/Mid-High
2015	59,00	23	Khá/Mid-High
2014	58,76	30	Khá/Mid-High
2013	57,13	38	Khá/Mid-High
2012	55,94	36	Khá/Mid-High
2011	53,46	58	Khá/Mid-High
2010	57,20	38	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,38	8,10	8,40	8,66
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,79	6,33	6,11	6,01
Tính minh bạch/Transparency	5,56	5,69	5,99	6,36
Chi phí thời gian/Time Costs	6,17	6,20	5,86	6,05
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,24	4,61	4,65	4,41
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,68	5,02	5,99	5,06
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,82	3,18	4,21	5,04
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,66	6,82	6,51	5,92
Đào tạo lao động/Labor Training	5,35	6,02	5,58	5,80
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,68	5,35	5,83	5,29

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	53,63	61	Tương đối thấp/Low
2015	48,96	63	Thấp/Very Low
2014	53,90	57	Tương đối thấp/Low
2013	54,68	50	Tương đối thấp/Low
2012	53,91	48	Khá/Mid-High
2011	52,87	59	Trung bình/Average
2010	48,91	63	Thấp/Low

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,88	8,39	8,24	8,39
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,55	5,83	5,76	5,22
Tính minh bạch/Transparency	6,53	5,98	5,41	6,01
Chi phí thời gian/Time Costs	5,43	6,41	5,71	7,03
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,31	4,96	3,61	5,36
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,08	5,54	3,83	3,86
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,46	4,44	4,07	3,86
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,97	5,23	4,85	4,80
Đào tạo lao động/Labor Training	4,57	4,21	4,39	5,12
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,09	5,59	4,48	4,45

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,48	53	Trung bình/Mid-Low
2015	56,48	53	Trung bình/Mid-Low
2014	50,32	63	Thấp/Very Low
2013	56,23	43	Trung bình/Mid-Low
2012	45,12	63	Tương đối thấp/Mid-Low
2011	59,96	29	Khá/Mid-High
2010	55,12	47	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,09	8,08	8,74	8,73
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,20	5,38	4,94	5,67
Tính minh bạch/Transparency	5,87	5,60	5,31	6,18
Chi phí thời gian/Time Costs	5,37	4,85	5,93	6,57
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,96	2,81	3,88	4,17
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,70	4,17	4,80	5,49
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,37	3,14	4,39	4,12
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,79	5,13	6,70	5,55
Đào tạo lao động/Labor Training	5,11	5,60	5,56	5,66
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,76	4,10	6,13	4,52

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,20	34	Khá/Mid-High
2015	57,79	37	Khá/Mid-High
2014	57,26	42	Khá/Mid-High
2013	56,93	40	Khá/Mid-High
2012	62,29	9	Tốt/High
2011	64,77	9	Tốt/High
2010	59,49	25	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,12	7,41	7,93	8,08
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,97	5,48	5,26	5,53
Tính minh bạch/Transparency	4,93	6,47	6,53	6,25
Chi phí thời gian/Time Costs	6,93	6,53	6,59	6,55
Chi phí không chính thức/Informal Charges	8,40	4,87	4,60	4,93
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,26	4,66	4,34	5,19
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,25	4,22	4,02	4,19
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,74	5,05	5,77	5,04
Đào tạo lao động/Labor Training	5,26	6,27	5,91	6,68
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,81	5,29	5,44	5,15

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	64,96	3	Rất tốt/Excellent
2015	66,39	2	Rất tốt/Excellent
2014	65,28	2	Rất tốt/Excellent
2013	63,35	5	Rất tốt/Excellent
2012	63,79	1	Tốt/High
2011	67,06	4	Rất tốt/Excellent
2010	67,22	3	Rất tốt/Excellent

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,02	9,37	8,70	8,98
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,75	7,08	6,81	6,57
Tính minh bạch/Transparency	6,76	6,87	7,08	6,92
Chi phí thời gian/Time Costs	6,76	8,45	8,54	8,69
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,55	6,69	6,31	6,86
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,45	6,64	6,69	6,62
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,34	6,62	7,04	6,26
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,92	5,61	5,94	5,49
Đào tạo lao động/Labor Training	5,22	5,30	5,71	5,66
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,68	7,91	7,44	6,77

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,42	46	Khá/Mid-High
2015	56,83	47	Trung bình/Mid-Low
2014	56,16	48	Trung bình/Mid-Low
2013	57,96	31	Khá/Mid-High
2012	56,50	32	Khá/Mid-High
2011	55,07	51	Khá/Mid-High
2010	53,65	50	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,40	7,25	8,16	7,88
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,69	5,89	6,52	5,93
Tính minh bạch/Transparency	5,52	6,01	5,70	5,93
Chi phí thời gian/Time Costs	5,39	5,87	5,95	6,26
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,17	3,81	4,57	4,81
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,55	5,63	5,18	6,09
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,68	3,97	4,37	4,20
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,23	6,20	6,12	5,95
Đào tạo lao động/Labor Training	5,36	5,32	5,10	5,41
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,40	5,96	6,64	5,68

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	55,40	59	Tương đối thấp/Low
2015	50,45	62	Thấp/Very Low
2014	52,47	60	Thấp/Very Low
2013	55,04	48	Tương đối thấp/Low
2012	53,00	53	Khá/Mid-High
2011	57,62	41	Khá/Mid-High
2010	53,94	49	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,98	8,14	8,08	8,72
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,91	4,80	4,55	4,99
Tính minh bạch/Transparency	5,70	5,30	5,41	6,31
Chi phí thời gian/Time Costs	6,05	6,46	5,68	6,18
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,68	4,03	3,53	5,06
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,96	4,90	4,97	4,61
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,48	5,01	3,49	4,50
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,93	5,24	5,52	5,69
Đào tạo lao động/Labor Training	5,12	4,84	4,61	4,73
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,35	6,05	4,93	4,76

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,16	35	Khá/Mid-High
2015	58,49	31	Khá/Mid-High
2014	56,57	45	Trung bình/Mid-Low
2013	57,81	32	Khá/Mid-High
2012	51,92	58	Trung bình/Average
2011	51,58	62	Trung bình/Average
2010	52,18	56	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,27	8,59	8,33	7,96
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,55	5,79	5,67	5,81
Tính minh bạch/Transparency	5,08	5,81	5,88	6,44
Chi phí thời gian/Time Costs	6,75	7,10	6,81	6,35
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,01	5,50	6,17	5,81
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,88	4,04	3,72	3,85
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,92	5,06	5,22	5,43
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,99	4,66	5,55	4,94
Đào tạo lao động/Labor Training	5,65	6,02	5,85	6,10
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,37	5,59	5,79	5,43

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,74	14	Tốt/High
2015	59,00	24	Khá/Mid-High
2014	58,89	26	Khá/Mid-High
2013	57,67	33	Khá/Mid-High
2012	53,40	51	Khá/Mid-High
2011	58,28	36	Khá/Mid-High
2010	55,73	43	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,08	7,19	7,56	7,51
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,34	4,40	4,12	4,16
Tính minh bạch/Transparency	6,15	6,28	6,14	6,04
Chi phí thời gian/Time Costs	5,09	5,53	5,56	5,87
Chi phí không chính thức/Informal Charges	4,67	4,31	4,26	4,67
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,35	3,81	3,87	3,76
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	3,69	3,08	3,86	3,84
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,75	6,57	6,47	6,79
Đào tạo lao động/Labor Training	6,24	7,26	7,36	7,88
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	3,92	4,66	4,64	4,18

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,76	39	Khá/Mid-High
2015	57,20	45	Khá/Mid-High
2014	58,19	35	Khá/Mid-High
2013	55,88	45	Trung bình/Mid-Low
2012	56,27	35	Khá/Mid-High
2011	65,97	7	Tốt/High
2010	57,22	37	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,32	8,00	8,61	8,45
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,00	5,78	5,18	4,96
Tính minh bạch/Transparency	5,65	6,07	6,71	6,38
Chi phí thời gian/Time Costs	5,13	6,42	6,45	5,67
Chi phí không chính thức/Informal Charges	4,50	4,17	4,52	4,41
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	3,25	3,50	3,35	3,77
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,75	4,56	4,85	5,29
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,28	5,88	5,75	5,86
Đào tạo lao động/Labor Training	6,08	6,63	5,56	6,34
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,27	5,46	4,84	4,24

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,95	36	Khá/Mid-High
2015	58,37	34	Khá/Mid-High
2014	58,63	31	Khá/Mid-High
2013	56,37	41	Trung bình/Mid-Low
2012	56,29	33	Khá/Mid-High
2011	58,41	35	Khá/Mid-High
2010	57,51	35	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,82	8,35	8,26	8,49
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,93	5,53	5,15	5,63
Tính minh bạch/Transparency	4,64	5,83	6,10	5,71
Chi phí thời gian/Time Costs	5,95	6,39	6,75	6,12
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,23	5,28	5,22	5,22
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,93	5,19	4,98	4,56
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,90	4,30	4,75	5,24
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,54	5,78	5,27	5,28
Đào tạo lao động/Labor Training	5,61	6,18	6,29	6,54
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,61	5,80	5,77	5,29

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,10	21	Tốt/High
2015	58,65	28	Khá/Mid-High
2014	58,25	34	Khá/Mid-High
2013	59,76	15	Khá/Mid-High
2012	53,58	50	Khá/Mid-High
2011	57,07	45	Khá/Mid-High
2010	54,64	48	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,35	7,70	7,76	8,33
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,40	5,10	4,87	4,99
Tính minh bạch/Transparency	5,42	5,91	6,10	6,22
Chi phí thời gian/Time Costs	5,24	5,95	6,13	5,79
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,44	4,51	4,81	4,59
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,21	4,50	3,90	3,39
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,48	3,59	3,97	4,40
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,30	5,75	5,55	6,06
Đào tạo lao động/Labor Training	6,33	7,41	7,33	7,42
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,78	4,33	5,15	5,33

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,82	37	Khá/Mid-High
2015	58,33	36	Khá/Mid-High
2014	58,91	25	Khá/Mid-High
2013	59,29	20	Khá/Mid-High
2012	62,01	11	Tốt/High
2011	57,40	43	Khá/Mid-High
2010	63,91	8	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,15	8,75	9,23	7,98
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,75	6,03	6,61	6,38
Tính minh bạch/Transparency	5,39	6,79	6,70	6,12
Chi phí thời gian/Time Costs	7,41	7,69	6,91	7,00
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,42	4,65	5,36	5,70
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,35	5,88	5,48	5,85
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	8,06	5,18	5,99	5,18
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,66	5,68	5,31	5,20
Đào tạo lao động/Labor Training	4,85	4,54	4,32	5,01
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,43	6,93	6,40	6,53

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	61,72	8	Tốt/High
2015	61,36	6	Tốt/High
2014	62,73	4	Rất tốt/Excellent
2013	61,19	10	Tốt/High
2012	61,19	13	Tốt/High
2011	61,93	20	Tốt/High
2010	59,67	23	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,01	7,25	7,57	7,99
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,43	5,04	5,18	5,45
Tính minh bạch/Transparency	5,64	6,89	6,51	6,50
Chi phí thời gian/Time Costs	5,94	5,93	6,11	6,24
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,01	4,67	4,37	4,74
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,40	4,19	4,28	4,13
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,65	3,92	4,19	4,17
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	7,14	7,14	7,00	6,82
Đào tạo lao động/Labor Training	6,22	7,19	6,89	7,12
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,95	4,91	5,04	4,25

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,80	52	Trung bình/Mid-Low
2015	57,13	46	Khá/Mid-High
2014	56,57	44	Trung bình/Mid-Low
2013	52,15	62	Thấp/Very Low
2012	55,51	41	Khá/Mid-High
2011	56,52	47	Khá/Mid-High
2010	49,89	60	Tương đối thấp/Mid-Low

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,83	7,17	8,55	8,68
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,82	5,22	5,27	5,62
Tính minh bạch/Transparency	5,69	6,27	6,32	6,10
Chi phí thời gian/Time Costs	5,54	5,33	5,13	5,74
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,08	4,10	4,66	5,02
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,65	5,78	4,38	4,59
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,19	4,66	4,32	4,36
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,50	5,29	6,24	5,88
Đào tạo lao động/Labor Training	4,96	6,27	5,47	5,40
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,46	5,46	5,18	5,05

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,01	50	Khá/Mid-High
2015	55,10	56	Tương đối thấp/Low
2014	55,14	51	Tương đối thấp/Low
2013	53,91	53	Tương đối thấp/Low
2012	58,01	28	Khá/Mid-High
2011	59,29	33	Khá/Mid-High
2010	49,77	61	Tương đối thấp/Low

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,66	8,21	8,21	8,24
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,87	4,79	5,27	4,79
Tính minh bạch/Transparency	4,68	5,69	4,88	5,68
Chi phí thời gian/Time Costs	5,24	5,26	6,08	5,71
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,82	4,37	4,61	5,21
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	3,94	4,43	4,21	4,85
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,07	4,51	4,20	5,00
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,34	5,51	5,18	5,23
Đào tạo lao động/Labor Training	5,63	6,18	6,72	6,45
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,83	4,82	5,87	5,58

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	59,59	24	Khá/Mid-High
2015	58,69	27	Khá/Mid-High
2014	59,78	16	Khá/Mid-High
2013	57,49	34	Khá/Mid-High
2012	58,82	24	Khá/Mid-High
2011	59,11	34	Khá/Mid-High
2010	56,75	40	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,86	7,49	7,99	8,27
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,31	5,67	5,33	4,94
Tính minh bạch/Transparency	5,73	6,12	6,28	6,08
Chi phí thời gian/Time Costs	6,47	6,27	6,06	6,57
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,52	5,64	4,52	4,78
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,10	4,70	4,41	4,63
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,36	4,89	4,13	4,34
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,24	5,73	5,93	5,94
Đào tạo lao động/Labor Training	5,25	6,55	6,52	6,81
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	3,95	5,67	5,51	5,53

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,81	13	Tốt/High
2015	60,31	11	Tốt/High
2014	61,10	9	Tốt/High
2013	63,55	3	Rất tốt/Excellent
2012	62,96	6	Tốt/High
2011	59,98	28	Khá/Mid-High
2010	58,90	27	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,34	8,64	8,66	8,38
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,87	6,38	6,43	6,15
Tính minh bạch/Transparency	5,03	6,14	6,57	6,57
Chi phí thời gian/Time Costs	8,36	8,10	8,15	6,92
Chi phí không chính thức/Informal Charges	8,94	7,02	5,38	5,72
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	8,19	4,78	4,56	5,35
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,29	5,10	5,78	5,06
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,46	5,64	5,40	6,17
Đào tạo lao động/Labor Training	5,71	5,18	5,20	5,29
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,40	7,33	7,62	6,20

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,27	56	Trung bình/Mid-Low
2015	56,55	52	Trung bình/Mid-Low
2014	54,66	56	Tương đối thấp/Low
2013	56,04	44	Trung bình/Mid-Low
2012	51,39	59	Trung bình/Average
2011	57,10	44	Khá/Mid-High
2010	57,01	39	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,82	8,49	8,63	8,52
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,87	5,48	5,77	5,90
Tính minh bạch/Transparency	5,48	5,88	5,61	5,76
Chi phí thời gian/Time Costs	5,25	5,29	5,50	6,03
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,92	4,29	4,57	4,14
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,97	5,83	6,14	5,66
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,36	3,75	3,51	4,43
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,75	5,62	5,74	5,50
Đào tạo lao động/Labor Training	5,43	5,00	5,69	5,93
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,33	5,89	6,23	4,93

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	53,46	62	Thấp/Very Low
2015	52,77	61	Thấp/Very Low
2014	50,60	62	Thấp/Very Low
2013	55,78	47	Trung bình/Mid-Low
2012	52,47	55	Trung bình/Average
2011	60,36	26	Tốt/High
2010	51,77	57	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,81	7,71	8,53	8,84
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,50	5,36	5,83	5,22
Tính minh bạch/Transparency	4,45	5,62	5,69	6,13
Chi phí thời gian/Time Costs	7,11	5,58	6,34	6,56
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,57	3,55	3,65	4,54
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,18	3,82	5,24	4,83
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,58	3,81	5,56	4,77
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,25	5,32	4,64	4,55
Đào tạo lao động/Labor Training	4,92	4,69	4,91	4,78
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,74	5,30	5,79	5,76

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,66	27	Khá/Mid-High
2015	59,04	21	Khá/Mid-High
2014	58,79	29	Khá/Mid-High
2013	57,22	36	Khá/Mid-High
2012	52,84	54	Trung bình/Average
2011	51,75	61	Trung bình/Average
2010	58,26	29	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,30	8,45	8,27	8,24
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,29	5,79	6,18	5,44
Tính minh bạch/Transparency	6,12	6,43	6,45	6,80
Chi phí thời gian/Time Costs	5,14	5,77	6,59	6,72
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,10	5,15	4,93	5,42
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,37	5,95	5,35	5,44
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,88	3,96	4,21	4,98
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,85	5,71	5,53	5,07
Đào tạo lao động/Labor Training	5,27	5,86	5,96	5,63
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,29	5,32	5,86	5,70

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,29	55	Trung bình/Mid-Low
2015	54,61	57	Tương đối thấp/Low
2014	55,05	54	Tương đối thấp/Low
2013	52,76	59	Thấp/Very Low
2012	56,29	34	Khá/Mid-High
2011	54,26	53	Khá/Mid-High
2010	50,20	59	Tương đối thấp/Mid-Low

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,01	7,71	8,12	8,88
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,69	4,41	5,32	5,15
Tính minh bạch/Transparency	5,53	5,42	5,83	6,06
Chi phí thời gian/Time Costs	5,10	5,65	5,06	5,28
Chi phí không chính thức/Informal Charges	4,85	3,95	4,63	5,08
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,85	5,88	5,40	5,06
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	3,12	4,14	3,32	4,78
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,51	5,73	5,51	5,92
Đào tạo lao động/Labor Training	5,31	6,24	5,55	5,34
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,67	4,86	5,19	4,00

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	63,49	5	Rất tốt/Excellent
2015	62,32	5	Rất tốt/Excellent
2014	64,67	3	Rất tốt/Excellent
2013	59,43	17	Khá/Mid-High
2012	63,08	3	Tốt/High
2011	73,53	1	Rất tốt/Excellent
2010	67,95	2	Rất tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,80	8,41	8,64	8,65
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,93	5,53	5,85	5,66
Tính minh bạch/Transparency	6,73	7,14	6,89	7,02
Chi phí thời gian/Time Costs	6,14	6,64	6,66	6,42
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,67	5,20	4,51	5,35
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,11	7,79	6,44	5,43
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,63	5,51	6,00	6,39
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,13	5,79	6,20	5,99
Đào tạo lao động/Labor Training	5,44	6,63	5,84	6,21
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,73	6,80	6,33	6,86

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,65	15	Tốt/High
2015	60,86	9	Tốt/High
2014	61,37	7	Tốt/High
2013	59,36	19	Khá/Mid-High
2012	60,21	16	Tốt/High
2011	67,12	3	Rất tốt/Excellent
2010	62,74	12	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,32	8,19	8,76	8,08
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,76	6,36	6,26	6,34
Tính minh bạch/Transparency	5,43	6,47	6,10	5,82
Chi phí thời gian/Time Costs	6,51	7,21	7,37	7,20
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,82	5,90	6,48	6,40
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,07	6,58	5,83	5,44
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,07	4,92	5,48	5,69
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,39	5,40	5,16	6,10
Đào tạo lao động/Labor Training	5,07	5,75	5,88	5,40
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,80	7,21	6,48	6,47

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,54	30	Khá/Mid-High
2015	59,62	17	Khá/Mid-High
2014	58,52	33	Khá/Mid-High
2013	56,31	42	Trung bình/Mid-Low
2012	52,23	56	Trung bình/Average
2011	55,48	48	Khá/Mid-High
2010	55,63	45	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,76	8,42	8,53	8,58
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,19	6,25	6,32	5,75
Tính minh bạch/Transparency	5,48	5,89	6,06	6,06
Chi phí thời gian/Time Costs	6,87	6,57	6,47	6,16
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,58	5,23	4,95	5,48
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,29	6,40	4,62	5,13
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	3,56	4,38	4,82	5,01
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,34	5,45	5,86	5,91
Đào tạo lao động/Labor Training	5,36	5,88	6,23	5,93
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,08	5,68	6,00	3,86

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	59,45	25	Khá/Mid-High
2015	58,47	32	Khá/Mid-High
2014	58,82	28	Khá/Mid-High
2013	55,83	46	Trung bình/Mid-Low
2012	54,36	46	Khá/Mid-High
2011	55,46	49	Khá/Mid-High
2010	52,38	54	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,09	8,88	8,63	8,90
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,26	5,32	5,38	5,37
Tính minh bạch/Transparency	5,42	5,89	6,37	6,42
Chi phí thời gian/Time Costs	5,47	6,50	6,22	6,25
Chi phí không chính thức/Informal Charges	4,82	4,42	4,28	4,39
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,87	4,97	5,25	4,67
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,05	4,40	4,48	5,00
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,50	6,28	6,02	5,73
Đào tạo lao động/Labor Training	5,68	6,20	5,81	6,51
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,89	5,27	5,58	5,30

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,14	19	Tốt/High
2015	58,51	30	Khá/Mid-High
2014	60,75	11	Tốt/High
2013	58,71	28	Khá/Mid-High
2012	58,87	23	Khá/Mid-High
2011	61,12	21	Tốt/High
2010	62,85	11	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,31	8,15	8,34	8,72
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,36	6,05	6,47	5,82
Tính minh bạch/Transparency	5,49	5,93	6,26	6,78
Chi phí thời gian/Time Costs	5,91	6,79	6,29	6,91
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,74	5,55	5,30	5,90
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,03	6,20	4,02	4,30
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,16	5,09	4,70	4,53
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,24	5,06	4,93	4,18
Đào tạo lao động/Labor Training	6,75	7,18	6,82	7,21
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,24	5,45	4,52	5,51

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,19	49	Khá/Mid-High
2015	57,45	42	Khá/Mid-High
2014	56,88	43	Trung bình/Mid-Low
2013	54,22	52	Tương đối thấp/Low
2012	59,76	18	Khá/Mid-High
2011	57,00	46	Khá/Mid-High
2010	56,61	41	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,59	7,75	8,59	8,56
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,52	6,57	6,45	6,10
Tính minh bạch/Transparency	5,97	6,03	6,31	6,24
Chi phí thời gian/Time Costs	6,79	7,12	7,02	6,93
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,11	6,00	4,97	5,02
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	3,69	5,86	4,93	5,15
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,28	4,73	4,01	4,96
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,30	4,77	4,95	4,90
Đào tạo lao động/Labor Training	5,16	5,19	5,67	5,61
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,65	5,74	6,23	5,64

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,60	29	Khá/Mid-High
2015	58,37	35	Khá/Mid-High
2014	57,72	39	Khá/Mid-High
2013	53,91	54	Tương đối thấp/Low
2012	55,54	40	Khá/Mid-High
2011	60,31	27	Tốt/High
2010	52,47	53	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,28	8,26	8,51	8,66
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,97	5,77	5,12	4,46
Tính minh bạch/Transparency	4,91	5,65	5,41	5,76
Chi phí thời gian/Time Costs	4,89	6,42	6,27	5,55
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,58	5,15	5,33	5,21
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,24	4,76	5,42	4,80
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	3,93	3,90	4,63	4,65
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,84	6,46	6,15	5,96
Đào tạo lao động/Labor Training	5,05	5,57	6,02	6,60
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,13	5,31	5,85	5,40

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	56,93	51	Khá/Mid-High
2015	56,15	55	Trung bình/Mid-Low
2014	56,44	47	Trung bình/Mid-Low
2013	54,48	51	Tương đối thấp/Low
2012	53,36	52	Khá/Mid-High
2011	55,15	50	Khá/Mid-High
2010	58,18	31	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,10	8,84	8,74	8,96
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,02	5,78	5,98	5,41
Tính minh bạch/Transparency	4,72	5,52	5,70	6,01
Chi phí thời gian/Time Costs	5,73	7,18	7,41	6,90
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,90	5,16	5,59	5,89
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,50	4,88	4,98	6,12
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,38	3,53	4,58	4,15
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,76	5,91	5,33	5,03
Đào tạo lao động/Labor Training	4,95	5,51	5,13	5,57
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	3,68	4,58	4,84	4,08

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,55	44	Khá/Mid-High
2015	56,71	50	Trung bình/Mid-Low
2014	56,50	46	Trung bình/Mid-Low
2013	58,25	29	Khá/Mid-High
2012	55,84	38	Khá/Mid-High
2011	58,16	37	Khá/Mid-High
2010	55,22	46	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,79	8,03	8,55	8,71
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,12	5,69	5,86	5,58
Tính minh bạch/Transparency	5,54	6,41	6,80	6,14
Chi phí thời gian/Time Costs	6,49	6,07	6,23	6,27
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,40	4,48	4,70	4,71
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,41	5,32	3,69	4,60
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,34	4,78	3,66	4,96
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,22	5,31	5,50	5,22
Đào tạo lao động/Labor Training	5,21	5,39	5,20	5,99
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,66	5,67	6,04	6,21

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	61,17	10	Tốt/High
2015	61,06	8	Tốt/High
2014	59,97	14	Khá/Mid-High
2013	58,76	27	Khá/Mid-High
2012	60,27	15	Tốt/High
2011	63,40	11	Tốt/High
2010	59,34	26	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,30	8,58	8,52	8,75
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,40	6,22	6,52	6,04
Tính minh bạch/Transparency	5,84	6,08	6,11	6,56
Chi phí thời gian/Time Costs	7,41	7,04	7,55	7,17
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,99	5,44	6,45	5,51
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	7,46	4,61	4,16	5,69
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,14	4,78	5,13	5,55
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,62	5,94	5,77	5,70
Đào tạo lao động/Labor Training	4,67	5,67	5,76	5,68
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,29	7,07	6,80	6,33

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	59,05	26	Khá/Mid-High
2015	59,70	15	Khá/Mid-High
2014	59,55	20	Khá/Mid-High
2013	62,60	7	Rất tốt/Excellent
2012	58,33	27	Khá/Mid-High
2011	62,24	18	Tốt/High
2010	52,21	55	Trung bình/Average

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,39	7,97	7,80	8,34
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,95	5,75	5,63	5,40
Tính minh bạch/Transparency	6,58	6,94	6,67	6,80
Chi phí thời gian/Time Costs	6,82	5,83	6,99	6,51
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,56	4,98	4,84	4,81
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,95	4,11	4,49	5,12
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,62	3,60	3,97	4,04
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,71	5,83	5,95	5,27
Đào tạo lao động/Labor Training	5,27	5,83	5,81	6,28
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	7,15	7,46	7,09	5,67

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	65,60	2	Rất tốt/Excellent
2015	65,75	3	Rất tốt/Excellent
2014	62,16	5	Rất tốt/Excellent
2013	63,51	4	Rất tốt/Excellent
2012	59,55	20	Khá/Mid-High
2011	63,25	12	Tốt/High
2010	64,41	7	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,09	8,48	9,18	9,28
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	5,89	5,51	6,26	6,07
Tính minh bạch/Transparency	6,36	6,24	7,09	6,84
Chi phí thời gian/Time Costs	5,72	6,27	7,27	6,86
Chi phí không chính thức/Informal Charges	8,10	4,89	6,03	6,38
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,09	3,78	4,69	5,00
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	7,11	4,83	5,31	5,70
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,81	6,72	5,92	6,26
Đào tạo lao động/Labor Training	6,21	7,15	7,19	6,94
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,41	5,28	5,93	5,40

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,62	43	Khá/Mid-High
2015	57,32	43	Khá/Mid-High
2014	55,07	53	Tương đối thấp/Low
2013	53,13	58	Thấp/Very Low
2012	55,91	37	Khá/Mid-High
2011	63,08	13	Tốt/High
2010	61,61	16	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,25	9,21	8,66	8,97
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,40	5,49	5,87	6,25
Tính minh bạch/Transparency	5,40	5,66	6,06	6,33
Chi phí thời gian/Time Costs	5,69	6,10	6,39	6,70
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,13	3,77	4,13	4,77
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,59	5,41	4,92	5,00
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,40	4,86	4,31	5,01
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,81	5,31	5,78	4,47
Đào tạo lao động/Labor Training	5,29	5,62	5,93	6,20
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	4,66	5,16	5,14	5,76

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,07	22	Tốt/High
2015	59,04	22	Khá/Mid-High
2014	58,13	36	Khá/Mid-High
2013	58,97	24	Khá/Mid-High
2012	55,01	45	Khá/Mid-High
2011	62,68	15	Tốt/High
2010	61,49	17	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,85	8,71	8,83	8,55
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,31	6,51	7,02	6,81
Tính minh bạch/Transparency	5,39	5,60	6,33	6,30
Chi phí thời gian/Time Costs	7,13	7,82	8,02	8,43
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,80	5,80	7,12	6,47
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,93	6,44	5,85	6,91
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,52	6,41	5,17	5,72
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,04	5,11	4,79	4,44
Đào tạo lao động/Labor Training	5,36	4,74	4,66	5,33
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,45	6,96	5,80	6,52

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	55,49	58	Tương đối thấp/Low
2015	57,21	44	Khá/Mid-High
2014	55,28	49	Tương đối thấp/Low
2013	53,86	55	Tương đối thấp/Low
2012	58,99	22	Khá/Mid-High
2011	54,32	52	Khá/Mid-High
2010	49,26	62	Tương đối thấp/Mid-Low

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,10	8,29	8,34	8,53
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,39	5,53	6,28	5,40
Tính minh bạch/Transparency	5,18	5,23	5,86	5,84
Chi phí thời gian/Time Costs	5,21	5,88	6,35	7,02
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,71	5,01	5,00	4,92
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,76	5,36	4,71	5,17
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,26	3,79	4,61	4,70
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,10	5,89	6,59	5,62
Đào tạo lao động/Labor Training	4,80	5,44	4,71	4,90
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,26	5,48	5,51	4,86

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	60,14	20	Tốt/High
2015	59,66	16	Khá/Mid-High
2014	59,62	19	Khá/Mid-High
2013	61,15	11	Tốt/High
2012	51,95	57	Trung bình/Average
2011	60,43	25	Tốt/High
2010	57,93	33	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,49	8,93	8,88	8,65
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	8,08	6,34	6,48	6,33
Tính minh bạch/Transparency	5,18	5,86	5,93	5,93
Chi phí thời gian/Time Costs	6,31	7,10	7,63	7,15
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,36	5,69	5,92	6,11
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,36	6,50	6,06	5,57
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,46	5,43	4,87	5,46
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,66	5,88	5,39	5,53
Đào tạo lao động/Labor Training	5,61	5,17	5,44	5,89
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,08	5,92	6,51	5,50

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,72	40	Khá/Mid-High
2015	57,64	38	Khá/Mid-High
2014	57,37	40	Khá/Mid-High
2013	59,10	21	Khá/Mid-High
2012	58,37	25	Khá/Mid-High
2011	53,69	55	Khá/Mid-High
2010	60,04	22	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,12	8,18	8,33	8,77
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,74	5,53	5,50	5,53
Tính minh bạch/Transparency	5,53	6,46	6,14	6,45
Chi phí thời gian/Time Costs	7,18	6,76	6,65	6,86
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,83	5,37	5,30	5,59
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,16	4,79	5,04	5,33
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,78	5,46	4,36	5,00
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,13	4,59	5,32	4,72
Đào tạo lao động/Labor Training	5,75	5,70	5,78	5,74
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,90	6,31	5,83	5,13

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	61,82	7	Tốt/High
2015	61,21	7	Tốt/High
2014	61,25	8	Tốt/High
2013	58,96	25	Khá/Mid-High
2012	60,07	17	Tốt/High
2011	53,57	57	Khá/Mid-High
2010	56,54	42	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,44	8,48	8,84	8,62
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,50	5,63	6,67	5,76
Tính minh bạch/Transparency	6,21	5,85	6,57	6,16
Chi phí thời gian/Time Costs	6,30	6,19	6,74	6,64
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,13	5,54	5,33	5,76
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,77	4,17	4,60	5,20
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,08	4,29	5,09	5,32
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,42	5,75	4,82	4,89
Đào tạo lao động/Labor Training	5,95	7,32	7,14	7,64
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,25	6,96	5,69	5,84

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	58,54	31	Khá/Mid-High
2015	60,74	10	Tốt/High
2014	60,33	12	Tốt/High
2013	61,59	8	Tốt/High
2012	55,11	44	Khá/Mid-High
2011	60,62	24	Tốt/High
2010	55,68	44	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,85	8,71	8,44	8,07
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,88	5,79	5,74	5,47
Tính minh bạch/Transparency	5,95	6,15	6,70	6,43
Chi phí thời gian/Time Costs	5,92	6,79	5,92	5,35
Chi phí không chính thức/Informal Charges	6,04	5,32	4,74	4,65
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	3,98	4,03	3,44	3,12
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,58	5,58	4,32	4,65
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	6,27	5,82	6,06	6,19
Đào tạo lao động/Labor Training	6,30	6,30	6,82	6,33
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,82	6,01	5,83	5,35

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	59,68	23	Khá/Mid-High
2015	58,52	29	Khá/Mid-High
2014	59,98	13	Khá/Mid-High
2013	65,56	2	Rất tốt/Excellent
2012	57,12	30	Khá/Mid-High
2011	60,95	22	Tốt/High
2010	61,31	18	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,15	8,37	8,67	8,63
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,37	6,20	5,37	6,14
Tính minh bạch/Transparency	7,63	6,56	6,59	6,25
Chi phí thời gian/Time Costs	6,39	6,93	5,72	6,29
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,94	5,37	5,20	5,45
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,58	4,66	4,48	4,58
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,61	3,80	4,29	3,88
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,16	5,65	5,57	6,03
Đào tạo lao động/Labor Training	5,91	6,13	6,09	6,13
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,37	5,91	5,08	5,31

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,25	48	Khá/Mid-High
2015	56,74	49	Trung bình/Mid-Low
2014	55,11	52	Tương đối thấp/Low
2013	57,19	37	Khá/Mid-High
2012	57,63	29	Khá/Mid-High
2011	59,58	31	Khá/Mid-High
2010	59,63	24	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,31	8,61	8,23	8,88
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,04	6,04	5,97	5,61
Tính minh bạch/Transparency	5,43	5,71	5,51	6,07
Chi phí thời gian/Time Costs	7,40	7,13	7,02	6,61
Chi phí không chính thức/Informal Charges	8,17	5,71	5,54	5,34
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,39	3,72	6,37	5,69
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,61	4,13	4,53	4,08
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	3,68	5,44	5,18	5,53
Đào tạo lao động/Labor Training	5,13	4,67	5,41	5,40
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	7,30	5,88	5,91	4,95

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,64	42	Khá/Mid-High
2015	57,55	41	Khá/Mid-High
2014	58,58	32	Khá/Mid-High
2013	60,87	13	Tốt/High
2012	62,75	8	Tốt/High
2011	57,56	42	Khá/Mid-High
2010	65,80	4	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	9,47	8,96	8,63	8,18
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	8,68	7,30	6,96	6,77
Tính minh bạch/Transparency	5,67	5,81	5,97	6,14
Chi phí thời gian/Time Costs	7,48	7,73	7,81	7,52
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,79	5,59	6,71	6,11
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,59	5,31	6,11	5,62
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	7,52	4,84	5,01	4,89
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,21	5,82	4,95	5,02
Đào tạo lao động/Labor Training	5,37	4,73	4,14	4,61
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	6,41	6,40	6,92	7,01

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,43	45	Khá/Mid-High
2015	56,81	48	Trung bình/Mid-Low
2014	55,20	50	Tương đối thấp/Low
2013	48,98	63	Thấp/Very Low
2012	47,81	62	Tương đối thấp/Mid-Low
2011	53,67	56	Khá/Mid-High
2010	57,90	34	Khá/Mid-High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	6,70	7,36	7,94	7,85
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,05	4,90	6,07	6,25
Tính minh bạch/Transparency	5,09	5,44	5,68	6,27
Chi phí thời gian/Time Costs	5,15	5,22	5,36	5,82
Chi phí không chính thức/Informal Charges	4,33	4,54	5,40	5,26
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	4,40	5,02	5,19	5,97
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	4,34	4,59	4,73	4,75
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	4,02	5,13	4,96	4,65
Đào tạo lao động/Labor Training	5,18	6,35	6,28	6,33
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,55	6,57	5,83	4,67

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	62,76	6	Rất tốt/Excellent
2015	59,49	19	Khá/Mid-High
2014	59,54	21	Khá/Mid-High
2013	59,73	16	Khá/Mid-High
2012	62,97	5	Tốt/High
2011	54,10	54	Khá/Mid-High
2010	63,40	9	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	8,07	8,89	8,51	9,25
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	7,78	6,61	7,01	6,99
Tính minh bạch/Transparency	5,75	6,45	6,09	6,57
Chi phí thời gian/Time Costs	7,41	6,83	7,90	7,82
Chi phí không chính thức/Informal Charges	7,26	6,04	6,17	5,84
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	6,59	5,08	5,52	5,56
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,72	5,18	4,91	5,33
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,17	5,67	5,34	5,79
Đào tạo lao động/Labor Training	5,00	4,96	5,24	5,88
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,67	6,04	6,13	5,91

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	61,52	9	Tốt/High
2015	62,56	4	Rất tốt/Excellent
2014	61,81	6	Tốt/High
2013	58,86	26	Khá/Mid-High
2012	55,15	43	Khá/Mid-High
2011	62,57	17	Tốt/High
2010	61,73	15	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,67	8,59	8,41	8,48
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,41	5,11	6,13	5,72
Tính minh bạch/Transparency	6,28	6,56	6,49	6,90
Chi phí thời gian/Time Costs	6,62	6,61	7,48	6,01
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,76	5,67	5,88	5,50
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,14	4,94	5,65	4,92
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	5,38	5,16	5,78	5,46
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	5,15	5,35	5,26	5,64
Đào tạo lao động/Labor Training	5,94	7,05	6,65	6,36
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,49	6,03	6,28	5,84

1. Tổng hợp kết quả chỉ số PCI 2010-2016

Năm Year	Điểm tổng hợp PCI score	Kết quả xếp hạng PCI ranking	Nhóm điều hành PCI tier
2016	57,28	47	Khá/Mid-High
2015	56,64	51	Trung bình/Mid-Low
2014	54,77	55	Tương đối thấp/Low
2013	52,67	60	Thấp/Very Low
2012	55,36	42	Khá/Mid-High
2011	63,05	14	Tốt/High
2010	60,16	21	Tốt/High

2. Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI 2013-2016

Năm Year	2013	2014	2015	2016
Gia nhập thị trường/Entry Costs	7,42	9,01	8,82	8,44
Tiếp cận đất đai/Land Access & Tenure	6,86	6,00	5,62	5,76
Tính minh bạch/Transparency	5,19	5,81	6,04	6,28
Chi phí thời gian/Time Costs	5,81	5,58	6,35	6,15
Chi phí không chính thức/Informal Charges	5,89	4,53	4,41	5,22
Cạnh tranh bình đẳng/Policy Bias	5,67	5,05	4,31	5,29
Tính năng động của chính quyền tỉnh/Proactivity	6,34	4,20	4,50	5,49
Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp/Business Support Services	3,85	5,59	5,81	5,41
Đào tạo lao động/Labor Training	4,85	5,06	5,65	5,32
Thiết chế pháp lý/Legal Institutions	5,94	4,82	4,85	4,97



Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI

Trung tâm Thương mại Quốc tế
9 Đào Duy Anh, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3574-2022
Fax: (84-4) 3574-2020
www.vcci.com.vn



Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID/Việt Nam

Tầng 15, Tòa nhà Tung Shing,
Số 2 Ngô Quyền
Hà Nội, Việt Nam
Tel : (84-4) 3935-1260
Fax : (84-4) 3935-1265
www.usaid.gov/vietnam